

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 8 năm 2026

## KẾT LUẬN THANH TRA

### **Việc chấp hành chính sách, pháp luật về khám, chữa bệnh và quản lý tài chính, tài sản công đối với Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang**

Thực hiện Quyết định số 318/QĐ-TTTP ngày 14/5/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Đà Nẵng Thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về khám, chữa bệnh (KCB) và quản lý tài chính, tài sản công đối với Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang; Quyết định số 431/QĐ-TTTP ngày 25/6/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Đà Nẵng về việc tạm dừng cuộc thanh tra; Quyết định số 475/QĐ-TTTP ngày 14/7/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Đà Nẵng về việc tiếp tục cuộc thanh tra; từ ngày 20/5/2026 đến ngày 24/6/2026 và từ ngày 13/7/2026 đến ngày 17/7/2026, Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 318/QĐ-TTTP đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang (Trung tâm); kiểm tra, xác minh các nội dung thanh tra theo quy định.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 09/BC-ĐTT ngày 25/8/2026 của Trưởng Đoàn Thanh tra; giải trình của các đơn vị có liên quan, Báo cáo kết quả thẩm định dự thảo kết luận thanh tra ngày 28/8/2026 của Tổ Thẩm định theo Quyết định số 340/QĐ-TTTP ngày 18/5/2026 của Chánh Thanh tra thành phố Đà Nẵng Về việc giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra và thẩm định dự thảo kết luận thanh tra; Chánh Thanh tra thành phố Đà Nẵng kết luận như sau:

#### **A. KHÁI QUÁT CHUNG**

Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang là đơn vị sự nghiệp y tế công lập được thành lập tại Quyết định số 6104/QĐ-UBND ngày 28/7/2008 và đổi tên thành Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang trực thuộc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng tại Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng. Trung tâm có tư cách pháp nhân, có trụ sở, con dấu, tài khoản riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật<sup>1</sup>. Trung tâm được Sở Y tế thành phố Đà Nẵng cấp Giấy phép hoạt động (GPHĐ) lần đầu số 0520/ĐNA-GPHĐ ngày 12/8/2014, cấp điều chỉnh GPHĐ số 0520/ĐNA-GPHĐ ngày 23/7/2025<sup>2</sup>; mã cơ sở KCB 48128; hình thức tổ chức là Trung tâm Y tế đa chức

<sup>1</sup> Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang.

<sup>2</sup> Quyết định số 1258/QĐ-SYT ngày 30/12/2024 của Sở Y tế về việc điều chỉnh GPHĐ KCB đối với Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang khi thay đổi quy mô hoạt động; Quyết định số 401/QĐ-SYT ngày 23/7/2025 của Sở Y tế về việc thu hồi GPHĐ KCB; Công văn số 1262/SYT-NVY ngày 08/8/2025 của Sở Y tế V/v PVHĐCM của Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang.

năng; hoạt động tại địa chỉ đường Trường Sơn, xã Bà Nà, thành phố Đà Nẵng; xếp hạng II tại Quyết định số 3357/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 UBND thành phố Đà Nẵng về việc xếp hạng lại Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang, xếp cấp chuyên môn kỹ thuật là cấp KCB cơ bản<sup>3</sup>, quy mô 190 giường bệnh kê hoạch<sup>4</sup>, phạm vi hoạt động chuyên môn (PVHĐCM): thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Sở Y tế phê duyệt ban hành kèm theo GPHĐ và các quyết định phê duyệt bổ sung<sup>5</sup>. Trung tâm có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, KCB, phục hồi chức năng, sức khỏe sinh sản, an toàn thực phẩm, dân số, các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật; thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 32/2024/TT-BYT ngày 15/11/2024 của Bộ Y tế về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương. Trung tâm có Ban Giám đốc, 04 phòng<sup>6</sup>, 14 khoa<sup>7</sup> và 03 trạm Y tế<sup>8</sup>, tổng số viên chức, người lao động tính đến ngày 15/5/2026<sup>9</sup>: 268 người, trong đó: 50 Bác sĩ; 112 Điều dưỡng, Kỹ thuật viên, Hộ sinh; 24 Dược sĩ và 82 nhân viên khác.

Trung tâm triển khai hoạt động KCB theo quy định tại Điều 49 Luật KCB năm 2023<sup>10</sup>, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Thông tư số 32/2024/TT-BYT; ký Hợp đồng KCB bảo hiểm y tế (BHYT) với Bảo hiểm xã hội

<sup>3</sup> Quyết định số 1217/QĐ-SYT ngày 24/12/2024 của Sở Y tế về xếp cấp chuyên môn kỹ thuật cơ sở KCB.

<sup>4</sup> Quyết định số 1210/QĐ-SYT ngày 31/12/2023 của Sở Y tế Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2024, Quyết định số 1281/QĐ-SYT ngày 31/12/2024 của Sở Y tế Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2025.

<sup>5</sup> Quyết định số 467/QĐ-SYT ngày 14/8/2014 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt danh mục chuyên môn kỹ thuật trong KCB đối với Trung tâm Y tế Hòa Vang thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 132/QĐ-SYT ngày 30/3/2016 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt DMKT chuyên môn bổ sung đối với Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang năm 2016; Quyết định số 1453/QĐ-SYT ngày 25/12/2017 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt bổ sung danh mục chuyên môn kỹ thuật trong KCB đối với Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang; Quyết định số 156/QĐ-SYT ngày 22/3/2018 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt bổ sung danh mục chuyên môn kỹ thuật trong KCB đối với Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang; Quyết định số 286/QĐ-SYT ngày 04/4/2019 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt bổ sung danh mục chuyên môn kỹ thuật trong KCB đối với Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang; Quyết định số 823/QĐ-SYT ngày 01/7/2020 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt bổ sung danh mục chuyên môn kỹ thuật trong KCB đối với Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang; Quyết định số 955/QĐ-SYT ngày 05/8/2020 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt bổ sung danh mục chuyên môn kỹ thuật trong KCB đối với Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang; Quyết định số 981/QĐ-SYT ngày 11/8/2020 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt bổ sung danh mục chuyên môn kỹ thuật trong KCB đối với Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang; Quyết định số 1056/QĐ-SYT ngày 11/9/2020 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt bổ sung danh mục chuyên môn kỹ thuật trong KCB đối với Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang; Quyết định số 1057/QĐ-SYT ngày 11/9/2020 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt bổ sung danh mục chuyên môn kỹ thuật trong KCB đối với Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang; Quyết định số 1207/QĐ-SYT ngày 21/11/2022 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt danh mục chuyên môn kỹ thuật bổ sung lần 11 trong KCB đối với Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang; Quyết định số 772/QĐ-SYT ngày 21/08/2024 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt danh mục chuyên môn kỹ thuật bổ sung trong KCB đối với Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang.

<sup>6</sup> Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ, Phòng Điều dưỡng, Phòng Tài chính - Kế toán.

<sup>7</sup> Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS, Khoa Y tế công cộng và Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm, Khoa Dân số và Phát triển, Khoa Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi Họng, Khoa Khám bệnh - Cấp cứu, Khoa Nhi, Khoa Nội - Truyền nhiễm, Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản, Khoa Phẫu thuật - Gây mê hồi sức - Thận nhân tạo, Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng, Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn, Khoa Xét nghiệm, Khoa Chẩn đoán hình ảnh, Khoa Dược - Vật tư, thiết bị y tế.

<sup>8</sup> Trạm Y tế xã Hòa Tiến, Trạm Y tế xã Hòa Vang, Trạm Y tế xã Bà Nà.

<sup>9</sup> Công văn số 990/TTYTHV-TCHC ngày 15/5/2026 của Trung tâm V/v cung cấp thông tin viên chức phục vụ việc rà soát lực lượng dự bị động viên (link báo cáo 1,3,4,5 N.CBCCVC).

<sup>10</sup> GPHĐ số 0520/ĐNA-GPHĐ ngày 23/7/2025 và Báo cáo số 1301/BC-TTYTKVHV ngày 31/12/2025 của Trung tâm Kết quả tự kiểm tra, đánh giá Bộ tiêu chí CLBV năm 2025.



thành phố Đà Nẵng về KCB BHYT<sup>11</sup>. Trung tâm là đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập<sup>12</sup>. Trung tâm có mức độ tự chủ tài chính tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên xác định theo phương án quy định tại Điều 10 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP từ 10% đến dưới 100%. Giai đoạn 2022-2025, được phân loại là đơn vị tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên (đơn vị nhóm 03), mức tự chủ chi thường xuyên là 48%<sup>13</sup>, theo đó năm 2024 mức tự chủ chi thường xuyên là 48%; năm 2025, được phân loại là đơn vị tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên (đơn vị nhóm 03), mức tự chủ chi thường xuyên là 49%<sup>14</sup>.

## B. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

Thanh tra thành phố Đà Nẵng đã tiến hành kiểm tra, xác minh trên cơ sở Báo cáo số 1010/BC-TTYTKVHV ngày 18/5/2026 của Trung tâm, báo cáo bổ sung nội dung liên quan tài chính và hồ sơ, tài liệu, sổ sách, chứng từ, dữ liệu đơn vị cung cấp; việc đảm bảo điều kiện hành nghề, điều kiện thực hiện hoạt động KCB (cơ sở vật chất, quy mô, cơ cấu tổ chức, nhân sự và việc chấp hành các quy định của pháp luật về hành nghề, thiết bị y tế, tiêu chuẩn về chuyên môn); việc thực hiện quy chế tổ chức và quản lý bệnh viện; quy định, quy chế trong hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật KCB; công tác quản lý tài chính, công tác quản lý và sử dụng tài sản công của Trung tâm; không thanh tra việc KCB BHYT, đấu thầu mua sắm vật tư y tế, sinh phẩm, hóa chất, thuốc chữa bệnh, nguồn thu, chi KCB BHYT; nguồn thu viện phí (theo báo cáo của của đơn vị nguồn thu viện phí bao gồm từ BHYT và người bệnh chi trả; đơn vị theo dõi được chi tiết từng khoản thu nhưng không hạch toán chi phí cho từng khoản thu này) và kết quả làm việc của Đoàn Thanh tra với Trung tâm tại các Biên bản làm việc<sup>15</sup>; Trung tâm chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, hợp lý, hợp pháp của các hồ sơ, tài liệu, sổ sách, chứng từ, dữ liệu và báo cáo giải trình đã cung cấp; kết quả kiểm tra, xác minh như sau:

<sup>11</sup> Hợp đồng số 28/HĐKCB-BHYT ngày 29/12/2023 giữa BHXH thành phố Đà Nẵng và Trung tâm về KCB BHYT năm 2024; Hợp đồng số 28/HĐKCB-BHYT ngày 31/12/2024 về hợp đồng KCB BHYT năm 2025; Phụ lục Hợp đồng số 01.48.128/PLHĐKCB-BHYT ngày 02/4/2025; Phụ lục Hợp đồng số 02.48.218/PLHĐKCB-BHYT ngày 10/6/2025; Phụ lục Hợp đồng số 03.48.218/PLHĐKCB-BHYT ngày 01/8/2025.

<sup>12</sup> Báo cáo số 1010/BC-TTYTKVHV ngày 18/5/2026 của Trung tâm Về việc chấp hành chính sách, pháp luật về KCB và quản lý tài chính, tài sản công, việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2024-2025.

<sup>13</sup> Quyết định số 1376/QĐ-SYT ngày 31/12/2022 của Sở Y tế Về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang thời kỳ ổn định giai đoạn 2022-2025.

<sup>14</sup> Quyết định số 1782/QĐ-SYT ngày 26/12/2025 của Sở Y tế Về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang năm 2025.

<sup>15</sup> Biên bản làm việc số 04/BB-ĐTT ngày 24/6/2026 của Đoàn Thanh tra với Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang; Biên bản làm việc số 06/BB-ĐTT ngày 28/7/2026 của Đoàn Thanh tra với Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang.

## I. VIỆC CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG KCB

### 1. Việc đảm bảo điều kiện hành nghề, điều kiện thực hiện hoạt động KCB

a) Về hồ sơ pháp lý: (i) Hồ sơ thành lập Trung tâm, hồ sơ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm<sup>16</sup>; (ii) GPHE KCB cấp lần đầu số 0520/ĐNA-GPHE ngày 12/8/2014, cấp điều chỉnh GPHE số 0520/ĐNA-GPHE ngày 23/7/2025; (iii) Hồ sơ xếp hạng đơn vị: Quyết định số 4608/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 UBND thành phố Đà Nẵng về việc xếp hạng II đối với Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang trực thuộc Sở Y tế; Quyết định số 3357/QĐ-UBND ngày 30/7/2026 UBND thành phố Đà Nẵng Về việc xếp hạng lại Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang; (iv) PVHĐCM và danh mục kỹ thuật (DMKT) thực hiện tại Trung tâm được Sở Y tế phê duyệt lần đầu và phê duyệt bổ sung với 3114 kỹ thuật; (v) Chứng chỉ hành nghề (CCHN)/Giấy phép hành nghề (GPHN) của 195 người trong năm 2024, 169 người năm 2025; người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật là Bác sĩ chuyên khoa II Võ Quang Vinh, Giám đốc - CCHN số 002413/ĐNA-CCHN do Sở Y tế cấp ngày 04/12/2013<sup>17</sup>; (v) Quyết định số 1210/QĐ-SYT ngày 31/12/2023 Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2024, Quyết định số 1281/QĐ-SYT ngày 31/12/2024 Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2025 của Sở Y tế; hồ sơ về tài chính, tài sản công<sup>18</sup> và văn bản của các cấp thẩm quyền liên quan đến hoạt động của Trung tâm.

Tại thời điểm thanh tra trực tiếp Trung tâm có đầy đủ hồ sơ pháp lý, tuy nhiên Quyết định số 4608/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND thành phố Đà Nẵng Về việc xếp hạng Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang trực thuộc Sở Y tế đã hết thời hạn 05 năm (60 tháng), nhưng đơn vị vẫn chưa có quyết định xếp hạng lại của cấp có thẩm quyền là không đúng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 04

<sup>16</sup> Quyết định số 6104/QĐ-UBND ngày 28/7/2008 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang; Quyết định số 4773/QĐ-UBND ngày 11/7/2013 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc bổ sung chức năng KCB đối với Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang; Quyết định số 787/QĐ-SYT ngày 04/10/2018 của Sở Y tế về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang trực thuộc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc đổi tên Trung tâm Y tế quận, huyện và phê duyệt phạm vi quản lý của Trung tâm Y tế khu vực trực thuộc Sở Y tế sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã mới; Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang thuộc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 270/QĐ-TTGTKVHV ngày 14/10/2025 của Trung tâm về việc kiện toàn cơ cấu tổ chức Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang.

<sup>17</sup> Quyết định số 303/QĐ-TTGTKVHV ngày 13/7/2023 của Trung tâm Phân công người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật tại Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang.

<sup>18</sup> Quyết định số 50/QĐ-TTGTKVHV ngày 30/01/2024 của Trung tâm về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024; Quyết định số 239/QĐ-TTGTKVHV ngày 09/05/2024 của Trung tâm về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang năm 2024; Quyết định số 33/QĐ-TTGTKVHV ngày 20/01/2025 của Trung tâm về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025; Quyết định số 131/QĐ-TTGTKVHV ngày 19/03/2025 của Trung tâm ban hành quy chế quản lý và sử dụng tài sản công của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang năm 2025; Quyết định số 1376/QĐ-SYT 31/12/2022 của Sở Y tế về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang thời kỳ ổn định giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 924/QĐ-SYT ngày 30/6/2025 của Sở Y tế về việc điều chỉnh giao quyền tự chủ tài chính cho Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang năm 2025; Quyết định số 1782/QĐ-SYT ngày 26/12/2025 của Sở Y tế về việc giao quyền tự chủ tài chính cho Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang năm 2025; Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng về Phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang.



Thông tư số 06/2024/TT-BYT ngày 16/5/2024 của Bộ Y tế Quy định xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế. Vấn đề này được Sở Y tế và Trung tâm báo cáo giải trình tại Công văn số 9948/SYT-TCCB ngày 28/7/2026 và Công văn số 1330/TTYTKVHV-TCHC ngày 26/6/2026; theo đó ngày 18/7/2025, Trung tâm báo cáo Sở Y tế tình hình xếp hạng tại Công văn số 142/TTYTHV-KHNV và chỉ đạo các khoa, phòng làm hồ sơ xếp hạng trình Sở Y tế vào ngày 28/8/2025<sup>19</sup>. Sở Y tế xây dựng Kế hoạch số 2936/KH-SYT ngày 19/9/2025 về việc xếp hạng, xếp hạng lại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng năm 2025 bao gồm 03 đơn vị sự nghiệp y tế và 02 đơn vị bảo trợ xã hội, thời gian dự kiến thẩm định, chấm điểm tại Trung tâm vào ngày 23/9/2025. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan<sup>20</sup> nên Sở Y tế ban hành Công văn số 3080/SYT-TCCB ngày 23/9/2025 Thông báo thay đổi thời gian thẩm định, chấm điểm thực tế tại các đơn vị. Ngày 16/12/2025, Sở Y tế ban hành Kế hoạch số 6717/KH-SYT về việc chấm điểm xếp hạng lại các đơn vị sự nghiệp y tế năm 2025 và đến ngày 16/7/2026 Sở Y tế đã có Tờ trình số 9320/TTr-SYT trình UBND Đà Nẵng đề nghị ban hành Quyết định xếp hạng lại đối với các đơn vị sự nghiệp y tế. Ngày 30/7/2026, UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 3357/QĐ-UBND Về việc xếp hạng lại Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang trực thuộc Sở Y tế thành phố Đà Nẵng.

b) Việc chấp hành các quy định của pháp luật về hành nghề: Trung tâm đăng ký thời gian hành nghề từ Thứ Hai đến Thứ Sáu (từ ngày 01/01/2024 đến ngày 18/8/2025: buổi sáng từ 7g00-11g00, buổi chiều từ 13g00-17g00; từ ngày 19/8/2025 đến nay: buổi sáng từ 7g00-11g30, buổi chiều từ 13g30-17g00), tham gia trực và KCB ngoài giờ theo phân công từ Thứ Hai đến Chủ nhật 24/24 giờ; cập nhật danh sách đăng ký người hành nghề, báo cáo Sở Y tế khi có thay đổi về nhân sự hành nghề, được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng. Tại thời điểm thanh tra, việc đăng ký hành nghề của Trung tâm thực hiện đúng hướng dẫn tại Điều 27, Điều 28, Điều 29 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật KCB; đủ điều kiện cấp Giấy phép hoạt động theo quy mô, PVHĐCM, DMKT quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 40 và khoản 5 Điều 41 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; người chịu trách nhiệm về chuyên môn kỹ thuật của đơn vị đảm bảo quy định tại điểm b, khoản 4 Điều 40 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; 09 người đăng ký hành nghề ngoài giờ tại cơ sở KCB khác không trùng thời gian KCB tại đơn vị theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật KCB năm 2023.

<sup>19</sup> Tờ trình số 437/TTr-TTYTHV ngày 28/8/2025 của Trung tâm về việc đề nghị xếp hạng đơn vị sự nghiệp y tế đối với Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang.

<sup>20</sup> Công văn số 9948/SYT-TCCB ngày 28/7/2026 của Sở Y tế V/v báo cáo, giải trình việc xếp hạng lại của Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang; Công văn số 1330/TTYTKVHV-TCHC ngày 26/6/2026 của Trung tâm V/v giải trình một số nội dung tồn tại, hạn chế được chỉ ra trong quá trình thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về KCB của Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang.

c) Bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện: Trung tâm thực hiện đánh giá và báo cáo tiêu chuẩn chất lượng cơ bản trong thời kỳ thanh tra<sup>21</sup> theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Luật KCB năm 2023 và khoản 1 Điều 71 Nghị định số 96/NĐ-CP về đánh giá chất lượng cơ bản bệnh viện và gửi kết quả tự đánh giá về cơ quan quản lý nhà nước hàng năm. Theo báo cáo của Trung tâm và tại thời điểm thanh tra đơn vị đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện về cơ sở vật chất, quy mô và cơ cấu tổ chức, nhân sự, thiết bị y tế, các quy định về chuyên môn theo Thông tư số 35/2024/TT-BYT ngày 16/11/2024 của Bộ Y tế Quy định tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện.

## **2. Việc thực hiện một số Quy chế tổ chức và quản lý bệnh viện**

Trung tâm xây dựng quy chế làm việc tại Quyết định số 34/QĐ-TTYTHV ngày 30/01/2023 và Quyết định số 632/QĐ-TTYTHV ngày 31/12/2024; Quyết định số 321/QĐ-TTYTKVHV ngày 27/10/2025 về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các khoa, phòng, trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang.

a) Về công tác cấp cứu - KCB: Trung tâm bắt đầu triển khai công tác cấp cứu, KCB khi được UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 4773/QĐ-UBND ngày 11/7/2013 về việc bổ sung chức năng KCB đối với Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang. Tại thời điểm thanh tra, mô hình tổ chức hệ thống cấp cứu gồm Khoa Cấp cứu - Khám bệnh, Khoa Phẫu thuật - Gây mê Hồi sức - Thận nhân tạo và Phòng cấp cứu bệnh nặng tại một số khoa lâm sàng<sup>22</sup>. Khoa Cấp cứu - Khám bệnh thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều 60 Luật KCB năm 2023 và khoản 1 Điều 8 Quyết định số 01/2008/QĐ-BYT ngày 21/01/2008 của Bộ Y tế Về việc ban hành Quy chế cấp cứu, hồi sức tích cực và chống độc. Trung tâm thành lập Tổ cấp cứu ngoại viện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định số 01/2008/QĐ-BYT<sup>23</sup>, phù hợp với quy mô dân số, đặc điểm địa lý địa bàn phụ trách quy định tại khoản 6 Điều 61 Luật KCB năm 2023; danh mục dụng cụ cấp cứu, thuốc và thiết bị thiết yếu trang bị cho cấp cứu ngoại viện theo Quyết định số 3385/QĐ-BYT ngày 18/9/2012 của Bộ Y tế Ban hành danh mục dụng cụ cấp cứu, thuốc thiết yếu và trang thiết bị thiết yếu trang bị cho một kíp cấp cứu ngoại viện trên xe ô tô cứu thương. Điều kiện về nhân lực, thiết bị y tế, thuốc cho hệ thống cấp cứu trong bệnh viện đáp ứng quy định tại khoản 4 Điều 61 Luật KCB năm 2023; phòng cấp cứu có 10 giường bệnh, hệ thống oxy trung tâm, đường dẫn khí nén y tế, hệ thống đường hút khí chân không<sup>24</sup>; 02 xe ô tô cứu thương Biển

<sup>21</sup> Báo cáo số 466/BC-TTYTHHV ngày 03/3/2025 của Trung tâm về Kết quả tự kiểm tra, đánh giá CLBV và khảo sát sự HLNĐ, NVYT năm 2024; Báo cáo số 1301/BC-TTYTKVHV ngày 3/12/2025 của Trung tâm về Kết quả tự kiểm tra, đánh giá CLBV và khảo sát sự HLNĐ, NVYT năm 2025.

<sup>22</sup> Khoa Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi Họng, Khoa Nhi, Khoa Nội - Truyền nhiễm, Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản.

<sup>23</sup> Quyết định số 59/QĐ-TTYTHHV ngày 02/02/2024 của Trung tâm về thành lập Tổ Cấp cứu ngoại viện năm 2024; Quyết định số 154/QĐ-TTYTHHV ngày 28/3/2025 của Trung tâm về thành lập Tổ Cấp cứu ngoại viện năm 2025.

<sup>24</sup> Biên bản và chứng nhận kiểm định Hệ thống đường dẫn khí nén y tế số: 08357/TBAL/VNCE ngày 10/8/2023 của Công ty CP chứng nhận và kiểm định Vinacontrol; Biên bản và chứng nhận kiểm định Bình chịu áp lực số: 08356/TBAL/VNCE ngày 10/8/2023 của Công ty CP chứng nhận và kiểm định Vinacontrol; Biên bản và chứng nhận kiểm định Hệ thống đường ống dẫn khí oxy y tế số: 08360/TBAL/VNCE; ngày 10/8/2023 của

kiểm soát 43A-005-03, Biên kiểm soát 43A-006-16<sup>25</sup> đảm bảo định mức theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 07/2020/TT-BYT ngày 14/5/2020 và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 31/2024/TT-BYT ngày 07/11/2024 của Bộ Y tế Quy định về xác định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế; danh sách nhân sự gồm 17 người hành nghề có CCHN/GPHN phù hợp vị trí việc làm. Như vậy về nhân lực, cơ sở vật chất, thiết bị y tế đảm bảo điều kiện tổ chức hoạt động cấp cứu theo quy định tại Điều 10 Quyết định số 01/2008/QĐ-BYT, Điều 61 Luật KCB năm 2023.

Trong công tác KCB, Trung tâm triển khai Quy trình khám bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế tại Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013<sup>26</sup>; bố trí 14 bàn khám bệnh năm 2024 và 12 bàn khám bệnh năm 2025; Sở Y tế giao chỉ tiêu 190 giường bệnh kế hoạch, Trung tâm bố trí 227 giường bệnh thực kê năm 2024 và 203 giường bệnh thực kê năm 2025 và giao chỉ tiêu giường bệnh cho các khoa theo công suất sử dụng giường bệnh tại đơn vị<sup>27</sup> và tổ chức điều trị nội trú, ngoại trú, điều trị ban ngày theo quy định tại Điều 76, 77, 78 và KCB lưu động tại Điều 79 Luật KCB năm 2023.

b) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng người hành nghề và nghiên cứu khoa học, ứng dụng phát triển khoa học kỹ thuật trong hoạt động chuyên môn: Trung tâm xây dựng Bản Công bố số 966/TTYTHV-TCHC ngày 23/11/2018 về cơ sở KCB đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; Sở Y tế xác nhận, thống nhất tại Công văn số 502/SYT-TCCB ngày 27/02/2019 gồm Đại học điều dưỡng; Đại học Kỹ thuật xét nghiệm y học; năm 2025, đơn vị bổ sung 08 chuyên ngành (Bác sĩ Y khoa, Bác sĩ Y học cổ truyền, Bác sĩ Y học dự phòng, Dược sĩ, Cử nhân Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật xét nghiệm Y học, Cử nhân Y tế công cộng) tại Công văn số 668/TTYTKVHV-TCHC ngày 06/10/2025; Sở Y tế thống nhất tại Công văn số 4851/SYT-TCCB ngày 06/11/2025 về việc công bố bổ sung cơ sở KCB đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm hướng dẫn thực hành cho 05 sinh viên Kỹ thuật xét nghiệm y học. Trung tâm ban hành Quy trình tiếp nhận học viên học thực hành để cấp GPHN tại Quyết định số 306/QĐ-TTYTHHV ngày 28/6/2024; phân công người hướng dẫn thực hành năm 2024; năm 2025<sup>28</sup>; xây

Công ty CP chứng nhận và kiểm định Vinacontrol; Biên bản và chứng nhận kiểm định Hệ thống đường hút khí chân không số: 08359/TBAL/VNCE ngày 10/8/2023 của Công ty CP chứng nhận và kiểm định Vinacontrol.

<sup>25</sup> Công văn số 745/DHNTB-TC ngày 09/12/2013 của Ban Quản lý dự án hỗ trợ Y tế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ về việc thông báo giá trị xe ô tô cứu thương; Báo cáo số 451/BC-TTYTHHV ngày 11/3/2022 của Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài sản xe ô tô cứu thương được tài trợ tại Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang.

<sup>26</sup> Quyết định số 486/QĐ-TTYTHHV ngày 29/11/2023 của Trung tâm về việc ban hành Quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh và Quyết định số 37/QĐ-TTYTHHV ngày 22/01/2025 của Trung tâm về việc ban hành quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh.

<sup>27</sup> Quyết định số 38/QĐ-TTYTHHV ngày 19/01/2024 của Trung tâm về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2024; Quyết định số 25/QĐ-TTYTHHV ngày 14/01/2025 của Trung tâm về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 2025.

<sup>28</sup> Kế hoạch số 798/KH-TTYTHHV ngày 26/04/2024 của Trung tâm về hướng dẫn thực hành để cấp GPHN KCB đối với chức danh Bác sĩ, Y sĩ; Kế hoạch số 661/KH-TTYTHHV ngày 10/04/2024 của Trung tâm về hướng dẫn thực hành để cấp CCHN đối với chức danh điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y; <sup>28</sup> Kế hoạch số 230/KH-TTYTHHV

dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ<sup>29</sup>. Tại thời điểm thanh tra, việc tổ chức đào tạo thực hành của Trung tâm đáp ứng quy định tại Điều 6 đến Điều 9 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 05/10/2017 của Chính phủ Quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe; thời gian, nội dung, điều kiện, tổ chức thực hành để cấp GPHN theo quy định tại Điều 3, Điều 6, Điều 7 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; 27 người hướng dẫn thực hành có chứng chỉ sư phạm Y học cơ bản/chứng chỉ giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 11/2019/TT-BYT ngày 17/8/2019 của Bộ Y tế Quy định về bồi dưỡng phương pháp dạy - học lâm sàng cho người giảng dạy thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm triển khai nghiên cứu 08 đề cương đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2024 và 15 đề cương đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2025 theo quy định tại Tiêu chí C10.1 Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí chất lượng bệnh viện (CLBV) Việt Nam được Hội đồng khoa học kỹ thuật Sở Y tế nghiệm thu, công nhận 05 đề tài năm 2024 và 09 đề tài năm 2025<sup>30</sup>; tổ chức sinh hoạt khoa học, sinh hoạt chuyên đề hàng quý; bình bệnh án, bình đơn thuốc hàng tháng<sup>31</sup> theo Tiêu chí C5.5 Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016.

c) Công tác chỉ đạo tuyển về chuyên môn kỹ thuật: Trung tâm là đơn vị vệ tinh, ký kết Hợp đồng chuyển giao kỹ thuật với các bệnh viện hạt nhân như Bệnh viện Đà Nẵng số 01/2019/HĐCGKT và số 03/2020/HĐCGKT<sup>32</sup>, Bệnh viện Y học cổ truyền số 01/HĐ-2019, Bệnh viện Mắt Đà Nẵng tại Kế hoạch số 512/KH-BVM ngày 13/6/2024<sup>33</sup>, Bệnh viện Phụ Sản - Nhi Đà Nẵng tại Công văn số 1899/BVPSNĐN-CĐT ngày 21/11/2024, Công văn số 723/BVPSNĐN-CĐT ngày 20/10/2025<sup>34</sup>; tiếp nhận người hành nghề và các gói chuyển giao kỹ thuật trong PVHĐCM, DMKT đã được Sở Y tế phê duyệt, đảm bảo quy trình chuyển giao kỹ thuật theo Công văn số 2950/BYT-KCB ngày 10/5/2010 của Bộ Y tế Hướng dẫn chi tiết xây dựng quy trình chuyển giao kỹ thuật y tế, Điều 84, Điều 85 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP. Trung tâm xây dựng và triển khai Kế hoạch số

ngày 24/01/2025 của Trung tâm về hướng dẫn thực hành để cấp GPHN KCB đối với chức danh Bác sĩ, Y sĩ; Kế hoạch số 244/KH-TTYTHV ngày 04/02/2025 của Trung tâm về hướng dẫn thực hành để cấp CCHN đối với chức danh điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật Y; Kế hoạch số 147/KH-TTYTKVHV ngày 21/7/2025 của Trung tâm về hướng dẫn thực hành để cấp GPHN KCB đối với chức danh Bác sĩ, Y sĩ.

<sup>29</sup> Kế hoạch số 412/KH-TTYTHV ngày 28/2/2024 của Trung tâm về đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động năm 2024, Kế hoạch số 302/KH-TTYTHV ngày 10/2/2025 của Trung tâm về đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động năm 2025.

<sup>30</sup> Quyết định số 1290/QĐ-SYT ngày 31/12/2024 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc công nhận đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2024; Quyết định số 1929/QĐ-SYT ngày 31/12/2025 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng về việc công nhận đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm 2025.

<sup>31</sup> Kế hoạch số 31/KH-TTYTHV ngày 05/01/2024 của Trung tâm Tổ chức bình bệnh án, bình đơn thuốc năm 2024; Kế hoạch số 67/KH-TTYTHV ngày 08/01/2025 của Trung tâm Tổ chức sinh hoạt khoa học, sinh hoạt chuyên đề, bình bệnh án, bình đơn thuốc năm 2025.

<sup>32</sup> Ngoại Tiêu hoá, Ngoại Chấn thương, Tim mạch, Hồi sức tích cực cơ bản và nâng cao, Nội tiết, Truyền nhiễm, Nội soi chẩn đoán tiêu hoá, Tai mũi họng; đào tạo gây mê trong phẫu thuật chấn thương chỉnh hình, phẫu thuật nội soi tiêu hoá, thận nhân tạo; Phẫu thuật cắt ruột thừa viêm, phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa viêm, phẫu thuật cắt trĩ; kết hợp xương, tháo phôi cấy kết hợp xương; điều trị thiếu máu cục bộ cơ tim, rung nhĩ, suy tim.

<sup>33</sup> Phẫu thuật mổ đơn thuần, Phẫu thuật mổ có ghép.

<sup>34</sup> Các dịch vụ kỹ thuật về đỡ đẻ, phẫu thuật mổ lấy thai.

924/KH-TTYTHHV ngày 17/5/2023 về Thực hiện luân phiên nhân lực KCB năm 2024, Kế hoạch số 365/KH-TTYTHHV ngày 17/02/2025 về Thực hiện chế độ luân phiên hỗ trợ chuyên môn, chuyển giao kỹ thuật, đào tạo và hướng dẫn chuyên môn cho tuyến dưới theo Đề án 1816, Thông tư số 18/2014/TT-BYT ngày 02/6/2014 Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 14/2013/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại cơ sở KCB.

d) Về công tác báo cáo, thống kê y tế và lưu trữ HSBA: Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm thực hiện công tác báo cáo thông qua Hệ thống phần mềm báo cáo thống kê y tế trực tuyến tại địa chỉ [baocao.tkyt.vn](http://baocao.tkyt.vn)<sup>35</sup>; thực hiện kỳ báo cáo theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 23/2025/TT-BYT ngày 08/6/2025 của Bộ Y tế Quy định về chế độ báo cáo thống kê ngành y tế; báo cáo bệnh truyền nhiễm trên Hệ thống quản lý giám sát bệnh truyền nhiễm tại địa chỉ [baocaobtn.vncdc.gov.vn](http://baocaobtn.vncdc.gov.vn) và địa chỉ [gs.vadp.gov.vn](http://gs.vadp.gov.vn). Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm bố trí kho lưu trữ HSBA tại tầng 05 khu sau của đơn vị và thực hiện theo Thông tư số 53/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế Quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ ngành y tế<sup>36</sup> và Thông tư số 33/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ Y tế Quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành y tế<sup>37</sup>.

đ) Về ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong công tác KCB:

Trung tâm thành lập Tổ triển khai, theo dõi, quản lý Đề án 06<sup>38</sup> tại Quyết định số 357/QĐ-TTYTHHV ngày 31/8/2023 và ban hành Kế hoạch số 342/KH-TTYTHHV ngày 19/02/2024 Về việc triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn 2022-2025 tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch số 918/KHTTYTHHV ngày 31/5/2023 Tuyên truyền, đẩy mạnh triển khai KCB BHYT bằng Căn cước công dân (CCCD) gắn chip, ứng dụng VneID theo chỉ đạo của Bộ Y tế tại Công văn số 931/BYT-BHXH ngày 28/02/2022 V/v hướng dẫn triển khai thí điểm KCB BHYT bằng CCCD gắn chip; trang bị 04 thiết bị đầu đọc thẻ CCCD theo tiêu chuẩn của Bộ Thông tin và Truyền thông<sup>39</sup>; quy trình lấy số thứ tự khám bệnh trên KIOSK tại Khoa Cấp cứu - Khám bệnh<sup>40</sup>; triển khai QRcode động và máy POS

<sup>35</sup> Thông tư số 37/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ Y tế quy định chế độ báo cáo thống kê ngành y tế; Thông tư số 23/2025/TT-BYT ngày 28/6/2025 của Bộ Y tế quy định chế độ báo cáo thống kê ngành y tế.

<sup>36</sup> Quy định số 1523/QyĐ-TTYTHHV ngày 23/10/2020 của Trung tâm về quản lý, lưu trữ HSBA.

<sup>37</sup> Quy định số 216/QyĐ-TTYTKVHV ngày 27/01/2026 của Trung tâm về quản lý, lưu trữ HSBA.

<sup>38</sup> Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

<sup>39</sup> Công văn số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0).

<sup>40</sup> Công văn số 2299/TTYTHHV-KHNV ngày 16/12/2024 Trung tâm về báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ Đề án 06 và các mô hình điểm trên lĩnh vực y tế năm 2024.

trong thanh toán trực tuyến tại đơn vị<sup>41</sup> nghiệm thu vào ngày 03/12/2025<sup>42</sup> và UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân tại Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 13/02/2026. Trung tâm xây dựng Kế hoạch số 46/KH-TTYTHHV ngày 11/01/2023 về Triển khai công tác KCB từ xa và hồ sơ sức khỏe điện tử (HSSKĐT) cho người dân trên địa bàn huyện Hoà Vang giai đoạn 2022-2025, tỷ lệ dân số được quản lý HSSKĐT đến ngày 18/5/2025 là 97,71%<sup>43</sup>. Trung tâm đã triển khai thực hiện việc liên thông dữ liệu Giấy chứng sinh, Giấy báo tử, giấy khám sức khỏe lái xe lên Cổng giám định BHYT của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; triển khai Sổ SKĐT trên ứng dụng VneID<sup>44</sup>.

Về triển khai hồ sơ bệnh án (HSBA) điện tử: Trung tâm được đầu tư hạ tầng CNTT trong gói thầu bệnh viện thông minh của Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật Đà Nẵng đạt mức 06 theo quy định tại Thông tư số 54/2017/TT-BYT<sup>45</sup>; phần mềm Quản lý bệnh viện<sup>46</sup> bao gồm phần mềm HIS (Hospital Information System: Hệ thống thông tin bệnh viện) đạt mức 04, LIS (Laboratory Information System: Hệ thống thông tin xét nghiệm) đạt mức nâng cao, RIC-PACS (Radiology Information System; Picture Archiving and Communication System: Hệ thống thông tin chẩn đoán hình ảnh, Hệ thống lưu trữ và truyền tải hình ảnh) đạt mức nâng cao<sup>47</sup>. Trung tâm triển khai sử dụng và lưu trữ HSBA điện tử thay cho hồ sơ giấy, lưu trữ và truyền tải hình ảnh y tế thay cho in phim và lưu trữ thông tin xét nghiệm thay cho việc in giấy bắt đầu từ ngày 09/9/2025<sup>48</sup>; ban hành Quy chế quản lý, sử dụng, lưu trữ

<sup>41</sup> Hợp đồng kinh tế số FHC13322250348900 ngày 10/6/2025 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng và Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang về việc triển khai hệ thống phần mềm thanh toán viện phí bằng Qr code sử dụng tại Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang; Hợp đồng tài trợ số 01/2025/VTB-HOAVANG ngày 10/6/2025 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng và Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang về việc tài trợ hệ thống phần mềm thanh toán viện phí bằng Qr code.

<sup>42</sup> Biên bản nghiệm thu ngày 03/12/2025 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (VietinBank) - chi nhánh Đà Nẵng và Chi nhánh công ty TNHH FPT IS tại thành phố Hồ Chí Minh về triển khai hệ thống phần mềm thanh toán viện phí bằng Qr code sử dụng tại Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang; Biên bản xác nhận tài trợ ngày 03/12/2025 của Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam (VietinBank), chi nhánh Đà Nẵng và Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang về xác nhận tài trợ cho y tế.

<sup>43</sup> Báo cáo số 1010/BC-TTYTKVHV ngày 18/5/2026 của Trung tâm về việc chấp hành chính sách, pháp luật về KCB và quản lý tài chính, tài sản công, việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước năm 2024-2025.

<sup>44</sup> Công văn số 1039/TTYTHHV-KHNV ngày 12/5/2025 của Trung tâm về việc đẩy mạnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VneID.

<sup>45</sup> Công văn số 5510/SXD-QLXD ngày 24/7/2023 của Sở Xây dựng V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Đầu tư nâng cấp, cải tạo Bệnh viện đa khoa huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng (điểm c Khoản 5 mục III).

<sup>46</sup> Theo Thỏa thuận tài trợ Hệ thống thông tin cho ngành Y tế Đà Nẵng số 01/TTTT-FCITY-FIS-SYT ký ngày 27/6/2019 giữa Công ty cổ phần đô thị FPT Đà Nẵng, Sở Y tế và Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT

<sup>47</sup> Báo cáo số 563/BC-TTYTKVHV ngày 23/9/2025 của Trung tâm về Đánh giá mức ứng dụng CNTT đáp ứng triển khai HSBA điện tử.

<sup>48</sup> Kế hoạch số 212/KH-TTYTHHV ngày 26/01/2024 của Trung tâm về Triển khai thực hiện nhiệm vụ CNTT năm 2024; Kế hoạch số 458/KH-TTYTHHV ngày 28/02/2025 của Trung tâm về Triển khai thực hiện nhiệm vụ CNTT năm 2025; Kế hoạch số 630/KH-TTYTHHV ngày 02/3/2025 của Trung tâm về Triển khai HSBA điện tử năm 2025; Quyết định số 248/QĐ-TTYTKVHV ngày 23/9/2025 của Trung tâm về việc công bố triển khai HSBA điện tử; Báo cáo số 563/BC-TTYTKVHV ngày 23/9/2025 của Trung tâm về việc Đánh giá mức ứng dụng CNTT đáp ứng triển khai HSBA điện tử (EMR) theo Thông tư số 13/2025/TT-BYT; Quyết định số 871/QĐ-CATP-PA05 ngày 11/9/2025 của Công an thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin; Báo cáo số 566/BC-TTYTKVHV ngày 23/9/2025 của

và khai thác HSBA điện tử<sup>49</sup>, thành lập Hội đồng tư vấn, tự đánh giá việc triển khai HSBA điện tử<sup>50</sup>. Tại thời điểm thanh tra, mức ứng dụng CNTT của Trung tâm đáp ứng yêu cầu triển khai HSBA điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 13/2025/TT-BYT ngày 06/6/2025 của Bộ Y tế Hướng dẫn triển khai HSBA điện tử<sup>51</sup>; đã thiết lập 29 mẫu HSBA điện tử, 54 mẫu phiếu theo quy định tại Phụ lục số XXVIII; XXIX ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT, 15 mẫu phiếu ngoài Thông tư số 32/2023/TT-BYT và thực hiện ký số lên các biểu mẫu HSBA và công bố gửi công Bộ Y tế ngày 29/9/2025 đảm bảo nguyên tắc triển khai HSBA điện tử tại Điều 1 Thông tư số 13/2025/TT-BYT.

Về kê đơn thuốc điện tử, Trung tâm đã ban hành Quyết định số 524/QĐ-TTTHHV ngày 24/6/2022 Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ “Kết chuyển đơn thuốc điện tử lên website của Bộ Y tế theo Thông tư số 27/2021/TT-BYT ngày 20/12/2021 tại Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang” với Công ty TNHH Phát triển công nghệ và thương mại dịch vụ KCL và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện<sup>52</sup>. Tại thời điểm thanh tra, mẫu đơn thuốc điện tử được lập, hiển thị, ký số, chia sẻ và lưu trữ bằng phương thức điện tử đáp ứng các quy định tại Thông tư số 27/2021/TT-BYT ngày 20/12/2021 của Bộ Y tế Quy định kê đơn thuốc bằng hình thức điện tử, tính đến thời điểm 30/12/2025 là 52.200 đơn thuốc điện tử đã được đưa lên Hệ thống đơn thuốc Quốc gia.

e) Về Quản lý chất lượng bệnh viện: Trung tâm thành lập Hội đồng quản lý CLB<sup>53</sup> theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 19/2013/TT-BYT ngày 12/7/2013 của Bộ Y tế Hướng dẫn thực hiện quản lý chất lượng dịch vụ KCB tại bệnh viện; xây dựng kế hoạch cải tiến CLBV và thực hiện phân công các nhóm tiêu chí<sup>54</sup>. Trung tâm triển khai kế hoạch kiểm tra, đánh giá CLB<sup>55</sup> theo bộ tiêu chí chất lượng cơ bản đối với bệnh viện và 83 tiêu chí CLB<sup>56</sup> tại Quyết định số

Trung tâm về việc công bố “cơ sở KCB đáp ứng việc triển khai HSBA điện tử” theo Thông tư số 13/2025/TT-BYT ngày 06/6/2025 của Bộ Y tế; Báo cáo số 71/BC-TTĐTKVHV ngày 10/7/2025 của Trung tâm về việc báo cáo tình hình triển khai HSBA điện tử và triển khai đơn thuốc điện tử.

<sup>49</sup> Quyết định số 220/QĐ-TTĐTKVHV ngày 19/9/2025 của Trung tâm về ban hành Quy chế Quản lý, sử dụng, lưu trữ và khai thác HSBA điện tử trên phần mềm quản lý bệnh án điện tử.

<sup>50</sup> Quyết định số 253/QĐ-TTĐTKVHV ngày 25/9/2025 của Trung tâm về thành lập Hội đồng tư vấn, tự đánh giá việc triển khai HSBA điện tử (EMR).

<sup>51</sup> Báo cáo số 563/BC-TTĐTKVHV ngày 23/9/2025 của Trung tâm về việc đánh giá mức ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng triển khai HSBA điện tử (EMR) tại Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang theo Thông tư số 13/2025/TT-BYT.

<sup>52</sup> Công văn số 5088/SYT-NVY ngày 11/9/2024 của Sở Y tế về việc nhắc nhở công tác kê đơn thuốc ngoại trú; Công văn số 5943/SYT-NVY ngày 15/10/2024 của Sở Y tế về việc kiểm tra, rà soát công tác mã hóa bệnh tật trong KCB BHYT; Công văn số 1902/TTĐTKVHV-KHNV ngày 21/10/2024 của Trung tâm về nhắc nhở công tác kê đơn thuốc và nhập mã bệnh trong 01 lần KCB.

<sup>53</sup> Quyết định số 199/QĐ-TTĐTKVHV ngày 16/4/2024 của Trung tâm về việc kiện toàn Hội đồng Quản lý chất lượng Bệnh viện đa khoa huyện Hoà Vang, Quyết định số 113/QĐ-TTĐTKVHV ngày 17/7/2025 Về việc kiện toàn Hội đồng Quản lý CLB<sup>54</sup> tại Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang.

<sup>54</sup> Kế hoạch số 407/KH-TTĐTKVHV ngày 28/02/2024 của Trung tâm Cải tiến chất lượng Bệnh viện đa khoa huyện Hoà Vang năm 2024, Kế hoạch số 515/KH-TTĐTKVHV của Trung tâm ngày 07/3/2025 Cải tiến chất lượng Bệnh viện đa khoa huyện Hoà Vang năm 2025.

<sup>55</sup> Quyết định số 465/QĐ-TTĐTKVHV ngày 21/10/2024 của Trung tâm về việc thành lập Đoàn tự kiểm tra, đánh giá CLB<sup>56</sup> 9 tháng đầu năm 2024, Kế hoạch số 1882/KH-TTĐTKVHV ngày 21/10/2024 của Trung tâm Tự kiểm tra, đánh giá CLB<sup>57</sup> 9 tháng đầu năm 2024; Quyết định số 337/QĐ-TTĐTKVHV ngày 17/11/2025 của Trung tâm về việc thành lập Đoàn tự kiểm tra, đánh giá CLB<sup>58</sup> năm 2025, Kế hoạch số 946/KH-TTĐTKVHV ngày 17/11/2025 của Trung tâm Tự kiểm tra, đánh giá CLB<sup>59</sup>.

6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016<sup>56</sup>; kết quả đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cơ bản đối với bệnh viện theo Thông tư số 35/2024/TT-BYT; điểm trung bình các tiêu chí CLBV năm 2024 là 3.66 điểm; năm 2025 là 3.69 điểm<sup>57</sup>, kết quả chất lượng bệnh viện được báo cáo trên phần mềm Chất lượng bệnh viện Việt Nam, trên cổng thông tin điện tử Sở Y tế và cổng thông tin điện tử của đơn vị. Về quản lý chất lượng xét nghiệm (CLXN), Trung tâm thành lập Khoa Xét nghiệm - Chẩn đoán hình ảnh theo Điều 3 Thông tư số 01/2013/TT-BYT ngày 11/01/2013 của Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện quản lý CLXN tại cơ sở KCB<sup>58</sup>; xây dựng kế hoạch quản lý CLXN<sup>59</sup>, quy trình xét nghiệm<sup>60</sup>, thực hiện chương trình nội kiểm, tham gia chương trình ngoại kiểm theo quy định tại khoản 1 đến khoản 5 Điều 5 Thông tư số 01/2013/TT-BYT; DMKT thực hiện nội kiểm năm 2024: 68, ngoại kiểm: 42; năm 2025 nội kiểm: 61, ngoại kiểm: 50<sup>61</sup>. Trung tâm xây dựng bảng mô tả công việc và phân công nhiệm vụ cho nhân viên theo Tiêu chí 3.2, 3.7; quy trình quản lý thiết bị y tế theo Tiêu chí 5.1, 5.2 Quyết định số 2429/QĐ-BYT ngày 12/6/2017 của Bộ Y tế Ban hành Tiêu chí đánh giá mức chất lượng phòng xét nghiệm y học. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá nội bộ CLXN đạt mức 02 (năm 2024 đạt 63,00%, năm 2025 đạt 64,90%).

Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm bảo đảm an toàn xét nghiệm và vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 49/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế Hướng dẫn hoạt động xét nghiệm trong KCB; quản lý CLXN theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 01/2013/TT-BYT. Tuy nhiên, Trung tâm chưa thực hiện việc liên thông danh mục xét nghiệm<sup>62</sup> theo đúng thời gian quy định tại điểm c khoản 3 Mục II Điều 1 Quyết định số 316/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường chất lượng xét nghiệm y học giai đoạn 2016-2025.

g) Về bảo đảm an ninh, trật tự tại cơ sở KCB: Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm xây dựng và triển khai Kế hoạch số 592/KH-TTYTHV ngày 01/4/2024 Về việc triển khai công tác đảm bảo an ninh trật tự tại Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang; phối hợp với Công an huyện Hòa Vang về công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong lĩnh vực y tế<sup>63</sup>; hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Vy Gia

<sup>56</sup> Bộ Tiêu chí CLBV phiên bản 2.0 tại Quyết định số 6858/QĐ-BYT Ngày 18/11/2016 của Bộ Y tế.

<sup>57</sup> Báo cáo số 273/BC-TTYTHHV ngày 07/02/2025 của Trung tâm Kết quả tự kiểm tra, đánh giá CLBV năm 2024; Báo cáo số 1301/BC-TTYTKVHV ngày 31/12/2025 của Trung tâm Kết quả tự kiểm tra, đánh giá Bộ tiêu chí CLBV năm 2025.

<sup>58</sup> Quyết định số 151/QĐ-TTYT ngày 22/8/2013 của Trung tâm về Thành lập Khoa Cận lâm sàng; Quyết định số 379/QĐ-TTYTHV ngày 30/10/2018 của Trung tâm về việc đổi tên Khoa Cận lâm sàng thành Khoa Xét nghiệm-Chẩn đoán hình ảnh; Quyết định số 270/QĐ-TTYTKVHV ngày 14/10/2025 của Trung tâm về Kiện toàn cơ cấu tổ chức Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang.

<sup>59</sup> Kế hoạch số 198/KH-TTYTHHV ngày 24/01/2024 của Trung tâm quản lý CLXN năm 2024; Kế hoạch số 431/KH-TTYTHHV ngày 27/02/2025 của Trung tâm về quản lý CLXN năm 2025.

<sup>60</sup> Quyết định số 92/QĐ-TTYTKVHV ngày 12/7/2025 của Trung tâm Về việc ban hành tài liệu "Quy trình CLXN".

<sup>61</sup> Giấy chứng nhận Trung tâm Kiểm chuẩn CLXN y học Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/12/2024; Giấy chứng nhận Trung tâm Kiểm chuẩn CLXN y học Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/12/2025; Quyết định số 1004/QĐ-VSDTTW ngày 18/12/2025 của Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương.

<sup>62</sup> Quyết định số 3148/QĐ-BYT ngày 07/7/2017 của Bộ Y tế Ban hành danh mục xét nghiệm áp dụng để liên thông, công nhận kết quả xét nghiệm.

<sup>63</sup> Quy chế phối hợp số: 04/QC-CA-TTYT ngày 26/11/2014 giữa Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang và Công an huyện Hòa Vang; Quy chế phối hợp số 01/QC-CA-TTYT ngày 07/7/2025 giữa Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang

cung cấp dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp<sup>64</sup> phù hợp với hình thức tổ chức, quy mô đơn vị theo quy định tại khoản 9 Điều 60 Luật KCB năm 2023.

### **3. Việc thực hiện một số quy định, quy chế chuyên môn trong hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về KCB**

a) Về thực hiện Quy chế thường trực: Trung tâm ban hành Quy chế thực hiện công tác chuyên môn trong KCB tại đơn vị<sup>65</sup>, theo đó ban hành Công văn số 468/TTYTHHV-KHNV ngày 11/3/2024 về tổ chức chế độ thường trực gồm trực Lãnh đạo, trực lâm sàng (03 bác sĩ và trực điều dưỡng, hộ sinh); trực cận lâm sàng (kỹ thuật Y xét nghiệm và chẩn đoán hình ảnh); trực hậu cần, quản trị (viện phí, lái xe, bảo vệ) và trực cấp cứu ngoại viện. Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm cung cấp lịch thường trực đơn vị 04 cấp, phân công theo tháng và điều chỉnh hàng tuần, đảm bảo thành phần và nhân lực các phiên trực, thời gian 24/24 giờ và được lãnh đạo ký duyệt theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 43 Thông tư số 32/2023/TT-BYT; nhân lực trực Tổ cấp cứu ngoại viện theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 47 Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

b) Về thực hiện Quy chế Cấp cứu: Trung tâm ban hành Quy chế cấp cứu theo quy định tại Quyết định số 01/2008/TT-BYT<sup>66</sup>. Tại thời điểm thanh tra, Khoa Cấp cứu - Khám bệnh thực hiện nhận định, phân loại người bệnh theo mẫu 39/BV1 Phụ lục số XXVIII kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT; đảm bảo thường trực cấp cứu 24 giờ trong ngày; tổ chức cấp cứu người bệnh theo quy định tại Điều 61 Luật KCB năm 2023.

c) Về thực hiện Quy chế chẩn đoán bệnh, HSBA: Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm sử dụng HSBA cho người bệnh điều trị nội trú, điều trị ban ngày và điều trị ngoại trú theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật KCB năm 2023, đúng mẫu quy định tại Phụ lục số XXVIII; mẫu giấy, phiếu y tại Phụ lục số XXIX ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT; đơn vị sử dụng HSBA giấy và đang thực hiện lộ trình triển khai HSBA điện tử tại Kế hoạch số 630/KH-TTYTHHV ngày 02/3/2025 của Trung tâm về Triển khai HSBA điện tử năm 2025; Quyết định số 248/QĐ-TTYTKVHV ngày 23/9/2025 của Trung tâm về việc công bố triển khai HSBA điện tử.

và Công an xã Bà Nà về công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong lĩnh vực y tế; Kế hoạch số 51/KHPH-CATP-SYT ngày 28/01/2026 của Sở Y tế và Công an thành phố triển khai thực hiện Quy chế phối hợp số 03/QCPH-BCA-BYT trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự và lĩnh vực y tế; Kế hoạch số 1405/KHPH-CA-TTYT ngày 08/7/2026 của Trung tâm và Công an xã Bà Nà triển khai thực Kế hoạch số 51/KHPH-CATP-SYT ngày 28/01/2026 của Sở Y tế và Công an thành phố về công tác bảo đảm an ninh, trật tự trong lĩnh vực y tế.

<sup>64</sup> Hợp đồng số 04/2024/HĐKT-TTYTHHV-ĐVBVVG ngày 31/10/2024 về việc cung cấp dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp tại Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang năm 2024 giữa Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bảo vệ Vy Gia; Hợp đồng số HD2500140576\_2509091611 ngày 16/10/2025 cung cấp dịch vụ bảo vệ chuyên nghiệp trong 01 năm giữa Trung tâm Y tế khu vực Hòa Vang và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ bảo vệ Vy Gia.

<sup>65</sup> Quyết định số 531/QĐ-TTYTHHV ngày 29/12/2023 của Trung tâm về việc ban hành một số Quy chế công tác chuyên môn trong KCB tại Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang, Quyết định số 417/QĐ-TTYTKVHV ngày 31/12/2025 của Trung tâm về việc ban hành một số Quy chế công tác chuyên môn trong KCB tại Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang.

<sup>66</sup> Quyết định số 531/QĐ-TTYTHHV ngày 29/12/2023 của Trung tâm Ban hành Quy chế cấp cứu.

Qua kiểm tra 100 HSBA, một số HSBA các khoa lâm sàng<sup>67</sup> ghi chép đầy đủ thông tin trong HSBA, thể hiện thời gian và người ghi chép theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Thông tư số 32/2023/TT-BYT; tuy nhiên, việc mã hoá bệnh tật trong một số HSBA theo ICD-10<sup>68</sup> chưa đúng quy định tại Quyết định số 4469/QĐ-BYT ngày 18/10/2020 của Bộ Y tế về việc ban hành “Bảng phân loại quốc tế mã hóa bệnh tật, nguyên nhân tử vong ICD-10” và “Hướng dẫn mã hóa bệnh tật theo ICD-10” tại các cơ sở KCB”.

d) Về Quy chế hội chẩn: Trung tâm đã ban hành các văn bản quy định về quy chế hội chẩn áp dụng tại đơn vị<sup>69</sup>, các trường hợp người bệnh cần phải tổ chức hội chẩn, các hình thức triển khai, trình tự và nội dung tiến hành hội chẩn theo quy định tại Điều 64 Luật KCB năm 2023. Tại thời điểm thanh tra, một số HSBA thuộc các trường hợp hội chẩn có trích biên bản hội chẩn theo mẫu 27/BV2 quy định tại Phụ lục số XXIX ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT, đảm bảo thành phần hội chẩn theo Quy chế hội chẩn tại Quyết định số 417/QĐ-TTGTKVHV ngày 31/12/2025.

đ) Hoạt động Điều dưỡng và chăm sóc người bệnh (CSNB): Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm đã thành lập Hệ thống tổ chức điều dưỡng và triển khai hoạt động theo quy định tại Thông tư số 31/2021/TT-BYT ngày 28/12/2021 của Bộ Y tế Quy định hoạt động Điều dưỡng trong bệnh viện<sup>70</sup>; xây dựng bản mô tả công việc cho các chức danh trong đơn vị<sup>71</sup>, mô hình chăm sóc quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Thông tư số 31/2021/TT-BYT; từ năm 2014 đến năm 2025 ban hành 277 quy định, quy trình chuyên môn kỹ thuật (điều dưỡng cơ bản: 122, điều dưỡng cấp cứu - hồi sức: 30, điều dưỡng ngoại khoa: 25, điều dưỡng nội khoa: 60, điều dưỡng chuyên khoa: 41)<sup>72</sup>. Xây dựng kế hoạch, bộ công cụ kiểm tra, giám

<sup>67</sup> Khoa Nội - Truyền nhiễm, Khoa Ngoại - Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản, Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng, Khoa Phẫu thuật - Gây mê Hồi sức - Thận nhân tạo.

<sup>68</sup> ICD-10 (Classifications International Classification of Diseases, 10<sup>th</sup> Revision): là Bảng phân loại quốc tế về bệnh tật và nguyên nhân tử vong do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) chủ trì sửa đổi, bổ sung phiên bản sửa đổi lần thứ 10 ban hành năm 1990 và cập nhật lần cuối vào 2019.

<sup>69</sup> Quyết định số 531/QĐ-TTGTKVHV ngày 29/12/2023 của Trung tâm Ban hành Quy chế hội chẩn.

<sup>70</sup> Quyết định số 149/QĐ-TTGTKVHV ngày 08/5/2017 của Trung tâm về việc thành lập Phòng Điều dưỡng; Quyết định số 192/QĐ-TTGTKVHV ngày 12/04/2024 của Trung tâm về việc kiện toàn Hội đồng Điều dưỡng; Quyết định số 23/QĐ-TTGTKVHV ngày 09/01/2025 của Trung tâm về việc kiện toàn Hội đồng Điều dưỡng; Quyết định số 90/QĐ-TTGTKVHV ngày 11/7/2025 của Trung tâm về việc kiện toàn Hội đồng Điều dưỡng.

<sup>71</sup> Quyết định số 352/QĐ-TTGTKVHV ngày 11/3/2022 của Trung tâm về việc ban hành bản mô tả công việc chức danh Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y và Hộ lý tại Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang; Quyết định số 139/QĐ-TTGTKVHV ngày 20/3/2023 của Trung tâm và Quyết định số 111/QĐ-TTGTKVHV ngày 11/3/2025 của Trung tâm về việc ban hành bổ sung Bản mô tả công việc các chức danh Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y và Hộ lý.

<sup>72</sup> Quyết định số 201/QĐ-TTGTKVHV ngày 16/6/2014 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang về việc ban hành Quy trình kỹ thuật, chăm sóc điều dưỡng tại Trung tâm Y tế Hòa Vang; Quyết định số 487/QĐ-TTGTKVHV ngày 18/8/2016 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang về việc ban hành tài liệu chăm sóc điều dưỡng và tư vấn dinh dưỡng tại Trung tâm Y tế Hòa Vang; Quyết định số 470/QĐ-TTGTKVHV ngày 15/11/2018 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang về việc Quy trình Điều dưỡng cơ bản tại Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang; Quyết định số 153/QĐ-TTGTKVHV ngày 30/4/2020 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang về việc ban hành bổ sung Quy trình Điều dưỡng cơ bản năm 2020; Quyết định số 482/QĐ-TTGTKVHV ngày 20/5/2022 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang về việc ban hành bổ sung quy trình Điều dưỡng cơ bản năm 2022; Quyết định số 282/QĐ-TTGTKVHV ngày 28/6/2023 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang về việc ban hành bổ sung Quy trình kỹ thuật điều dưỡng và Quy trình chăm sóc năm 2023; Quyết định số 260/QĐ-TTGTKVHV ngày 29/05/2024 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang về việc ban hành bổ sung Quy trình kỹ thuật điều dưỡng và Quy trình chăm sóc

sát, đánh giá công tác CSNB quy định tại Điều 66 Luật KCB năm 2023; kế hoạch, chương trình, tài liệu và tham gia nhiệm vụ đào tạo cấp GPHN; đào tạo liên tục; sinh hoạt chuyên đề, bình bệnh án, phiếu theo dõi chăm sóc điều dưỡng mỗi tháng/lần<sup>73</sup>; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện hoạt động điều dưỡng và CSNB theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 31/2021/TT-BYT.

e) Về an toàn phẫu thuật, thủ thuật: Trung tâm quy định việc đảm bảo an toàn về phẫu thuật, thủ thuật và các kỹ thuật can thiệp có xâm lấn cơ thể theo Quyết định số 7482/QĐ-BYT ngày 18/02/2018 của Bộ Y tế Ban hành bộ tiêu chí chất lượng đánh giá mức độ an toàn phẫu thuật<sup>74</sup>. Tại thời điểm thanh tra, một số HSBA phẫu thuật ghi nhận thực hiện đầy đủ 04 bước theo quy định tại Điều 65 Luật KCB năm 2023; giấy cam kết chấp thuận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức thực hiện theo Mẫu số 01/BV2 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT.

g) Triển khai hoạt động KCB và an toàn người bệnh: Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm triển khai các hoạt động KCB đúng theo PVHĐCM đã được Sở Y tế phê duyệt, ban hành các quyết định về quy trình kỹ thuật, xây dựng hướng dẫn chẩn đoán và điều trị tại đơn vị theo quy định tại Tiêu chí C5.3, C5.4 Quyết định số 6858/QĐ-BYT ngày 18/11/2016<sup>75</sup>; quy định quản lý sự cố y khoa theo quy định tại Điều 71 Luật KCB năm 2023, Thông tư số 43/2018/TT-BYT ngày 26/12/2018 của Bộ Y tế Hướng dẫn phòng ngừa sự cố y khoa trong các cơ sở KCB<sup>76</sup>, xây dựng và triển khai nội dung phòng ngừa sự cố y khoa<sup>77</sup>; quy trình báo

năm 2024; Quyết định số 193/QĐ-TTTHHV-ĐD ngày 24/04/2025 của Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang về việc ban hành bổ sung Quy trình kỹ thuật điều dưỡng và Quy trình chăm sóc năm 2025.

<sup>73</sup> Kế hoạch số 661/KH-TTTHHV ngày 10/04/2024 của Trung tâm Hướng dẫn thực hành cấp CCHN đối với chức danh Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật y năm 2024; Kế hoạch số 244/KH-TTTHHV ngày 04/02/2025 của Trung tâm về hướng dẫn thực hành để cấp chứng chỉ hành nghề đối với chức danh điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y năm 2025; Kế hoạch số 117/KH-TTTHHV ngày 15/01/2024 của Trung tâm Thực hiện sinh hoạt khoa học, bình bệnh án, phiếu theo dõi chăm sóc điều dưỡng; Kế hoạch số 78/KH-TTTHHV ngày 09/01/2025 của Trung tâm Thực hiện sinh hoạt khoa học, bình bệnh án, phiếu theo dõi chăm sóc điều dưỡng.

<sup>74</sup> Quyết định số 239/QĐ-TTTHHV ngày 23/02/2018 của Trung tâm về việc ban hành Quy chế, quy định đảm bảo an toàn phẫu thuật tại Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang.

<sup>75</sup> Quyết định số 468/QĐ-TTTHHV ngày 13/11/2018 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang về việc ban hành tài liệu chuyên môn "Quy trình kỹ thuật các chuyên ngành" áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang (151); Quyết định số 466/QĐ-TTTHHV ngày 08/10/2019 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang về việc ban hành bổ sung tài liệu chuyên môn "Quy trình kỹ thuật các chuyên ngành" áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang (122); Quyết định số 578/QĐ-TTTHHV ngày 09/8/2022 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang về việc ban hành bổ sung tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý chuyên ngành Nhi khoa" áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang: (15); Quyết định số 579/QĐ-TTTHHV ngày 09/8/2022 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang về việc ban hành bổ sung tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý chuyên ngành Nhi khoa" áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang: (16); Quyết định số 323/QĐ-TTTHHV ngày 15/7/2024 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang về việc ban hành bổ sung tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý các chuyên ngành" áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang (12); Quyết định số 244/QĐ-TTTHHV ngày 21/5/2025 của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang về việc ban hành bổ sung tài liệu chuyên môn "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị một số bệnh lý các chuyên ngành" áp dụng tại Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang (8).

<sup>76</sup> Quyết định số 2317/QĐ-TTTHHV ngày 30/12/2022 của Trung tâm về việc ban hành Quy định quản lý sự cố y khoa trong bệnh viện; Quy định số 2316/QĐ-TTTHHV ngày 30/12/2022 của Trung tâm Quy định xử lý sự cố sai sót chuyên môn.

<sup>77</sup> Đề án số 89/ĐA-TQLCLBV ngày 25/01/2022 của Trung tâm Cải tiến hệ thống báo cáo sự cố y khoa tại Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang

cáo sự cố y khoa và an toàn người bệnh<sup>78</sup> mỗi 06 tháng/lần trên hệ thống phần mềm sự cố y khoa; năm 2024 có 68 sự cố y khoa, năm 2025 là 53 sự cố y khoa được báo cáo theo quy định, không có sự cố gây hậu quả nghiêm trọng<sup>79</sup>. Tuy nhiên, việc xây dựng quy trình kỹ thuật KCB chưa đầy đủ theo quy định tại Mục II, Mục III Quyết định số 3023/QĐ-BYT ngày 28/7/2023 về việc ban hành “Đề cương tài liệu chuyên môn hướng dẫn quy trình kỹ thuật KCB”.

h) Về công tác Kiểm soát nhiễm khuẩn (KSNK), quản lý chất thải y tế (QLCTYT): Trung tâm thành lập Khoa KSNK, Hội đồng KSNK, mạng lưới KSNK<sup>80</sup> theo quy định tại Điều 16 Thông tư số 16/2018/TT-BYT ngày 20/7/2018 của Bộ Y tế Quy định về KSNK trong các cơ sở KCB; ban hành 33 quy trình KSNK theo hướng dẫn tại Quyết định số 3671/QĐ-BYT ngày 27/9/2012 của Bộ Y tế về việc phê duyệt các hướng dẫn KSNK và Quyết định số 3916/QĐ-BYT ngày 28/8/2017 của Bộ Y tế Về việc phê duyệt các hướng dẫn KSNK trong các cơ sở KCB<sup>81</sup>; quy trình QLCTYT theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế Quy định về QLCTYT trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm triển khai các biện pháp KSNK theo quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật KCB năm 2023. Về hệ thống xử lý nước thải, Trung tâm được UBND thành phố Đà Nẵng phê duyệt quyết toán hoàn thành Hạng mục cấp nước ngoài nhà, hệ thống xử lý nước thải công suất 75m<sup>3</sup>/ngày đêm tại Quyết định số 7717/QĐ-UBND ngày 19/10/2015; hợp đồng với các công ty môi trường trong thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, quan trắc môi trường định kỳ nước thải đầu ra; bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thu gom xử lý nước thải theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BYT<sup>82</sup>.

<sup>78</sup> Thông báo số 1209/TB-TTYTKHHV ngày 08/7/2024 của Trung tâm về việc triển khai nhắc lại công tác báo cáo sự cố y khoa tự nguyện; Thông báo số 630/TB-TTYTKHHV ngày 01/10/2025 của Trung tâm về việc triển khai nhắc lại và tăng cường công tác báo cáo sự cố y khoa tự nguyện.

<sup>79</sup> Báo cáo số 123/BC-TTYTHHV ngày 15/01/2025 của Trung tâm về việc rà soát việc thực hiện phòng ngừa có nguy cơ, diễn biến xấu có thể xảy ra với người bệnh năm 2024; Báo cáo số 49/BC-TTYTKVHV ngày 08/01/2026 của Trung tâm về việc rà soát việc thực hiện phòng ngừa có nguy cơ, diễn biến xấu có thể xảy ra với người bệnh năm 2025.

<sup>80</sup> Quyết định số 148/QĐ-TTYTHHV ngày 08/5/2017 của Trung tâm về việc thành lập Khoa KSNK; Quyết định số 96/QĐ-TTYTKVHV ngày 15/7/2025 của Trung tâm về việc kiện toàn Hội đồng KSNK; Quyết định số 107/QĐ-TTYTKVHV ngày 16/7/2025 của Trung tâm về việc kiện toàn Mạng lưới KSNK.

<sup>81</sup> Quyết định số 76/QĐ-TTYTHHV ngày 02/02/2018 của Trung tâm về việc ban hành Quy trình xử lý ống nội soi mềm (01); Quyết định số 477/QĐ-TTYTHHV ngày 16/11/2018 của Trung tâm về việc Ban hành quy trình và hướng dẫn Khoa KSNK (20); Quyết định số 721/QĐ-TTYTHHV ngày 30/9/2022 của Trung tâm về việc ban hành quy định lựa chọn và sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân trong phòng, chống dịch bệnh COVID-19 (01); Quyết định số 200/QĐ-TTYTHHV ngày 24/4/2023 của Trung tâm về việc ban hành hướng dẫn phòng và Kiểm soát lây nhiễm SARS-CoV-2 trong cơ sở KCB tại Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang (11).

<sup>82</sup> Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế thông thường số 22/2024/YTSH/HĐKT với Công ty Cổ phần môi trường đô thị Đà Nẵng ngày 02/01/2024; Hợp đồng kinh tế số 31/2024/YTNH-ĐN với Công ty TNHH Thương mại và xây dựng An Sinh ngày 30/12/2023 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại; Hợp đồng kinh tế số 19\_824/2025/HĐTV\_TTYTHHV-QTMT với Công ty TNHH xây dựng môi trường HI-TECH ngày 28/8/2024 V/v cung cấp dịch vụ quan trắc môi trường định kỳ nước thải đầu ra năm 2024, kết quả thử nghiệm 13 chỉ số đều đạt tiêu chuẩn; Hợp đồng kinh tế số 1124/HĐYTHV-HP với Công ty TNHH thương mại và kỹ thuật Hưng Phương ngày 10/4/2024 về việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thu gom xử lý nước thải năm 2024 và Báo cáo bảo trì, bảo dưỡng thu gom, xử lý nước thải tại từ Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang vào ngày 28/5/2024. Trung tâm Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường số 22/2025/YTSH/HĐKT với Công ty Cổ phần môi trường đô thị Đà Nẵng ngày 31/12/2024 và 02 phụ lục hợp đồng; Hợp đồng kinh tế số 25/2025/YTNH-ĐN với Công ty TNHH Thương mại và xây dựng An Sinh ngày 31/12/2024 về việc thu gom, vận

i) Về công tác an toàn sinh học (ATSH): Trung tâm tự công bố cơ sở xét nghiệm ATSH cấp II, được đăng tải trên trang Thông tin điện tử Sở Y tế vào ngày 06/12/2017 và Công văn số 546/TTYTHHV-XN ngày 06/4/2023 về việc thay đổi một số thông tin tại bản tự công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn ATSH cấp II. Tại thời điểm thanh tra, 07 nhân viên có giấy chứng chỉ tập huấn ATSH trong phòng xét nghiệm ATSH cấp II; cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân sự, điều kiện về thực hành phòng xét nghiệm ATSH cấp II đáp ứng quy định tại khoản 1; điểm a, c, d khoản 2; khoản 3; điểm a, c, d khoản 4 Điều 6 Nghị định số 103/2016/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 14 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.

k) Về an toàn bức xạ: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng cấp phép sử dụng Thiết bị chụp cắt lớp vi tính CT Scanner GE Bright Speed, Thiết bị X-Quang tổng hợp Q-RAD; Thiết bị X-quang di động Siemens<sup>83</sup>; Trung tâm ứng dụng KHCN và tiêu chuẩn đo lường chất lượng Đà Nẵng, Trung tâm tiết kiệm năng lượng và tư vấn chuyển giao công nghệ Đà Nẵng tiến hành các công việc bức xạ, kết quả kiểm xạ số 04/2026/KQKX-TTUD&TĐC thiết bị Máy chụp CT-Scanner ngày 29/01/2026; số 49A/2025/KQKX-TTTC thiết bị máy chụp X-quang tổng hợp ngày 23/6/2025, số 161/KQKX/2025 thiết bị X-Quang di động ngày 16/9/2025 đảm bảo an toàn bức xạ. Tại thời điểm thanh tra, Trung tâm xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ cấp cơ sở<sup>84</sup>; phòng X-quang có hệ thống che chắn bức xạ đạt chuẩn theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 59/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 Quy định về bảo đảm an toàn bức xạ và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.

l) Hoạt động Hội đồng thuốc và điều trị, hoạt động khoa Dược: Trung tâm thành lập Hội đồng thuốc và Điều trị<sup>85</sup>, ban hành Quy chế làm việc, kế hoạch hoạt động theo quy định tại Điều 10, khoản 2 Điều 11 Thông tư số 21/2013/TT-BYT ngày 08/8/2013 của Bộ Y tế Quy định về tổ chức và hoạt động của hội đồng thuốc và điều trị trong bệnh viện; Khoa Dược-Vật tư, thiết bị y tế theo quy định tại Thông tư số 22/2011/TT-BYT ngày 10/6/2011 của Bộ Y tế Quy định tổ chức và hoạt động của khoa dược bệnh viện. Hệ thống kho thuốc đạt tiêu chuẩn "Thực hành tốt bảo quản thuốc" (Good Storage Practices-GSP) được Sở Y tế xác nhận đáp ứng Điều 13 Thông tư số 36/2018/TT-BYT và đăng tải trên trang Thông tin

chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại tháng 01, tháng 02 năm 2025 và 03 phụ lục hợp đồng; Hợp đồng dịch vụ số 02/2025/TTYTHHV-XDAS/CTNH với Công ty TNHH Thương mại và xây dựng An Sinh ngày 28/02/2025 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2025 và 03 phụ lục hợp đồng; Hợp đồng kinh tế số 31\_925/HĐTV\_TTYT-QTMT với Công ty TNHH xây dựng môi trường HI-TECH ngày 19/9/2025 V/v cung cấp dịch vụ quan trắc môi trường định kỳ nước thải đầu ra năm 2025, kết quả thử nghiệm 13 chỉ số đều đạt tiêu chuẩn; Hợp đồng kinh tế số 09/HĐKT-HP với Công ty TNHH thương mại và kỹ thuật Hưng Phương ngày 09/4/2025 về việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thu gom xử lý nước thải năm 2025 và 01 phụ lục hợp đồng; Báo cáo bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải tại Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang đợt 1 vào ngày 10/6/2025, đợt 2 vào ngày 20/11/2025.

<sup>83</sup> Giấy phép số 06/GP-SKHCN ngày 06/02/2024 của Sở Khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng; Giấy phép số 57/GP-SKHCN ngày 11/10/2023 của Sở Khoa học và công nghệ thành phố Đà Nẵng.

<sup>84</sup> Kế hoạch số 06/KH-TTYTKVHHV ngày 06/01/2026 của Trung tâm Về việc bảo đảm an toàn bức xạ và ứng phó sự cố bức xạ tại Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang.

<sup>85</sup> Quyết định số 15/KH-TTYTHHV ngày 11/01/2023 của Trung tâm Về việc Thành lập Hội đồng thuốc và điều trị; Quyết định số 112/QĐ-TTYTKVHHV ngày 17/7/2025 của Trung tâm Kiện toàn Hội đồng thuốc và điều trị.

điện tử Sở Y tế ngày 27/11/2019<sup>86</sup>. Trung tâm ban hành Quy chế sử dụng thuốc tại Quyết định số 503/QĐ-TTYTHHV ngày 21/12/2023; triển khai hoạt động Dược lâm sàng theo Nghị định số 131/NĐ-CP ngày 02/11/2020 của Chính phủ Quy định về tổ chức, hoạt động dược lâm sàng của cơ sở KCB<sup>87</sup>. Thành lập Hội đồng hủy thuốc thường, thuốc gây nghiện-hướng tâm thần tại Quyết định số 73/QĐ-TTYTHHV ngày 13/02/2023 và Quyết định số 38/QĐ-TTYTHHV ngày 19/01/2024 theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 15 Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ Y tế Quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc và điểm a khoản 2 Điều 17 Thông tư số 30/2025/TT-BYT ngày 01/7/2025 của Bộ Y tế Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc và thu hồi, xử lý thuốc vi phạm. Tại thời điểm thanh tra, Hội đồng thuốc và Điều trị thực hiện chức năng, nhiệm vụ, hoạt động theo quy định tại Chương II và Điều 11 Thông tư số 21/2013/TT-BYT; Khoa Dược-Vật tư, thiết bị y tế thực hiện chức năng, nhiệm vụ, hoạt động tại Điều 2, Điều 3, Chương III Thông tư số 22/2011/TT-BYT; kho bảo quản thuốc đảm bảo quy định tại khoản 2, khoản 3 Phụ lục III Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22/11/2018 của Bộ Y tế Quy định về thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; xây dựng quy trình thao tác chuẩn theo Tiêu chí 9.9 Phụ lục I Thông tư số 36/2018/TT-BYT; quản lý nhập, xuất thuốc theo quy định tại Điều 15, bảo quản thuốc tại Điều 17 Thông tư số 22/2011/TT-BYT. Quầy thuốc Trung tâm được thành lập theo Quyết định số 158/QĐ-TTYT ngày 09/5/2014, được cấp Giấy chứng nhận Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc đối với quầy thuốc số 74/2022/GPP ngày 02/4/2022 và Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược số 1256/ĐKKDD-ĐNA ngày 12/4/2022 do Sở Y tế thành phố Đà Nẵng cấp; hiện tại đơn vị đã chấm dứt hoạt động Quầy thuốc tại Quyết định số 25/QĐ-KD ngày 01/4/2025.

m) Thiết bị y tế: Trung tâm đang sử dụng 173 thiết bị y tế đã thực hiện mã hóa và chuyển dữ liệu lên Cổng Tiếp nhận dữ liệu thuốc Hệ thống thông tin giám định BHYT của cơ quan Bảo hiểm xã hội theo Quyết định số 3176/QĐ-BYT ngày 29/10/2024 Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 4750/QĐ-BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Quyết định số 130/QĐ-BYT ngày 18/01/2023 quy định chuẩn và định dạng dữ liệu đầu ra phục vụ việc quản lý, giám định, thanh toán chi phí KCB và giải quyết các chế độ liên quan. Trung tâm ban hành Quyết định số 116/QĐ-TTYTHHV ngày 17/3/2020 Về việc ban hành quy chế quản lý vật tư, thiết bị y tế. Tại thời điểm thanh tra, thiết bị y tế được lập, quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 113 Luật KCB năm 2023; có quy trình vận hành, lý lịch máy;

<sup>86</sup> Thông báo số 1219/TB-TTYTHHV ngày 12/11/2019 của Trung tâm Thông báo đáp ứng thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc kèm hồ sơ tổng thể thực hiện GSP; Công văn số 3556/SYT-NVD ngày 27/11/2019 của Sở Y tế V/v xác nhận văn bản thông báo việc đáp ứng thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

<sup>87</sup> Quyết định số 72/QĐ-TTYTHHV ngày 13/02/2023 của Trung tâm về việc thành lập Đơn vị Thông tin thuốc; Quyết định số 41/QĐ-TTYTHHV ngày 23/01/2024 của Trung tâm về việc Kiện toàn Đơn vị Thông tin thuốc; Quyết định số 126/QĐ-TTYTKVHV ngày 18/7/2025 của Trung tâm về việc thành lập Tổ Dược lâm sàng; Quyết định số 43/QĐ-TTYTKVHV ngày 19/01/2026 của Trung tâm về việc Kiện toàn Tổ Dược lâm sàng; Kế hoạch số 190/KH-TTYTHHV ngày 23/01/2024 của Trung tâm về triển khai hoạt động Dược lâm sàng; Kế hoạch số 40/KH-TTYTHHV ngày 06/01/2025 của Trung tâm về triển khai hoạt động Dược lâm sàng.

công tác bảo quản, bảo trì, bảo dưỡng và kiểm định<sup>88</sup> theo đúng quy định tại Điều 106 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

## **II. VIỆC CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CÔNG**

### **1. Về công tác quản lý tài chính**

a) Việc xây dựng và ban hành quy chế chi tiêu nội bộ (QCCTNB):

Trung tâm ban hành Quyết định số 50/QĐ-TTYTHHV ngày 30/01/2024 về việc Ban hành QCCTNB năm 2024 và Quyết định số 33/QĐ-TTYTHHV ngày 20/01/2025 về việc Ban hành QCCTNB năm 2025 trên cơ sở dự toán được giao và các văn bản hướng dẫn xây dựng QCCTNB<sup>89</sup>; QCCTNB được thảo luận, dân chủ trong Hội nghị viên chức, người lao động và có ý kiến thống nhất của tổ chức công đoàn<sup>90</sup>; báo cáo Sở Y tế, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước theo quy định.

Việc xây dựng và ban hành QCCTNB đảm bảo theo hướng dẫn về xây dựng QCCTNB tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; Nghị định số 111/2025/ND-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021, Điều 11 Thông tư số 56/2022/TT-BTC. Tuy nhiên, Trung tâm chưa xây dựng tiêu chuẩn, định mức về nội dung chi thanh toán công tác phí, chi phí nhiên liệu trong QCCTNB là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; nội dung không thanh toán tiền tàu xe trường hợp người đi công tác sử dụng phương tiện cá nhân là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; nội dung “Trích 50% Quỹ bổ sung thu nhập, được chi thu nhập bình quân tăng thêm tối đa không quá 2 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ, các khoản đóng góp theo lương và các khoản phụ cấp do Nhà nước quy định” không đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 18 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

b) Về công tác quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước (NSNN) cấp (Phụ lục I):

- Kinh phí thường xuyên (Kinh phí tự chủ):

Năm 2024

<sup>88</sup> Kế hoạch số 197/KH-TTYTHHV ngày 24/01/2024 của Trung tâm về việc Kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị y tế năm 2024; Kế hoạch số 269/KH-TTYTHHV ngày 31/01/2024 của Trung tâm về việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị y tế năm 2024; Kế hoạch số 385/KH-TTYTHHV ngày 20/02/2025 của Trung tâm về việc Kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị y tế năm 2025; Kế hoạch số 347/KH-TTYTHHV ngày 13/02/2025 của Trung tâm về việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị y tế năm 2025.

<sup>89</sup> Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập. Thông tư số 03/2026/TT-BTC ngày 01/01/2026 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2022/TT-BTC.

<sup>90</sup> Hồ sơ Hội nghị cán bộ công chức viên chức năm 2024, năm 2025 (Kế hoạch tổ chức, Biên bản hội nghị).

+ Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: 39.855.282.010 đồng (kinh phí năm trước chuyển sang: 785.150.890 đồng; kinh phí giao đầu năm: 36.584.000.000 đồng; kinh phí cấp bổ sung trong năm: 5.510.847.120 đồng; kinh phí điều chỉnh giảm trong năm: 3.024.716.000 đồng).

+ Kinh phí đã chi và quyết toán: 37.269.818.327 đồng (chi thanh toán cho con người: 34.296.279.153 đồng; chi hoạt động thường xuyên: 2.973.539.174 đồng); gồm: Chi lương, phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương: 31.413.051.736 đồng; chi thu nhập tăng thêm: 2.019.413.817 đồng; chi làm đêm, thêm giờ: 863.813.600 đồng; chi hàng hóa, dịch vụ, hoạt động chuyên môn: 2.800.991.610 đồng; chi thuê mướn, mua sắm, sửa chữa: 68.801.482 đồng; chi khác: 103.746.082 đồng.

+ Kinh phí còn lại cuối năm: 2.585.463.683 đồng (chuyển sang năm sau).

Năm 2025:

+ Tổng kinh phí được sử dụng trong năm: 43.490.562.717 đồng (kinh phí năm trước chuyển sang: 2.585.463.683 đồng; kinh phí giao đầu năm: 46.814.000.000 đồng; kinh phí cấp bổ sung trong năm: 6.476.000.000 đồng; kinh phí điều chỉnh giảm trong năm: 12.384.900.966 đồng).

+ Kinh phí đã chi và quyết toán: 40.855.433.644 đồng (chi con người: 38.582.733.078 đồng; chi hoạt động thường xuyên: 2.272.700.566 đồng); gồm: Chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương: 36.672.685.125 đồng; chi thu nhập tăng thêm: 1.028.552.935 đồng; chi làm đêm, thêm giờ: 881.495.018 đồng; chi hàng hóa, dịch vụ, hoạt động chuyên môn: 1.937.465.337 đồng; chi thuê mướn, mua sắm, sửa chữa: 191.181.357 đồng; chi khác: 144.053.872 đồng.

+ Kinh phí còn lại cuối năm: 2.635.129.073 đồng (chuyển sang năm sau).

Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm sử dụng kinh phí chi thường xuyên cơ bản đảm bảo theo quy định.

- Kinh phí không thường xuyên (Kinh phí không tự chủ):

Năm 2024:

+ Tổng kinh phí được sử dụng trong năm là 4.806.576.890 đồng (kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng; kinh phí giao đầu năm: 2.426.100.000 đồng; kinh phí bổ sung trong năm: 2.597.942.390 đồng; kinh phí điều chỉnh giảm trong năm: 217.465.500 đồng).

+ Kinh phí đã chi và quyết toán, số tiền 4.530.275.015 đồng.

+ Kinh phí còn lại cuối năm, số tiền: 276.301.875 đồng (dự toán bị hủy bỏ).

Năm 2025:

+ Tổng kinh phí được sử dụng trong năm là 4.864.882.672 đồng (kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng; kinh phí giao đầu năm: 6.123.260.000 đồng; kinh phí bổ sung trong năm: 505.517.000 đồng; kinh phí điều chỉnh giảm trong năm: 1.763.894.328 đồng).

+ Kinh phí đã chi và quyết toán, số tiền 4.779.437.699 đồng.

+ Kinh phí còn lại cuối năm, số tiền: 85.444.973 đồng (dự toán bị hủy bỏ).

Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm thực hiện các nội dung chi kinh phí không thường xuyên đảm bảo tiêu chuẩn, định mức quy định. Tuy nhiên, đối với kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ Quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang trong năm 2024 đã chi tiền thưởng vượt 10% tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp) theo chức vụ, chức danh, ngạch, bậc và cấp bậc quân hàm của các đối tượng trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị không đúng quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, với số tiền là 61.043.945 đồng; riêng nguồn chi tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP năm 2025 của Trung tâm đã được Kiểm toán nhà nước tiến hành kiểm toán tổng hợp tại Sở Tài chính nên Đoàn Thanh tra không kiểm tra, xác minh nội dung này.

c) Nguồn thu, chi hoạt động sự nghiệp, dịch vụ (Phụ lục II)

- Nguồn thu, chi kinh phí đặt hàng (khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi):

Năm 2024: Trung tâm có nguồn thu kinh phí đặt hàng của Sở Y tế theo Quyết định số 301/QĐ-SYT ngày 04/4/2024 và Quyết định số 763/QĐ-SYT ngày 17/8/2024 điều chỉnh đặt hàng Trung tâm Y tế huyện Hoà Vang cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN trong lĩnh vực sự nghiệp Y tế - Dân số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, như sau:

+ Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN: dịch vụ khám, chữa bệnh (khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi);

+ Số lượng, khối lượng dịch vụ công thực hiện: 8.298 người;

+ Đơn giá, giá đặt hàng: Khám bệnh 37.500 đồng/ca; Điện tâm đồ: 35.400 đồng/ca; Xét nghiệm đường máu mao mạch 15.500 đồng/ca;

+ Kinh phí quyết toán: 721.697.600 đồng (với số lượng 8.164 người).

Năm 2025: Trung tâm có nguồn thu kinh phí đặt hàng của Sở Y tế theo Quyết định số 430/QĐ-SYT ngày 04/4/2025 và Quyết định số 447/QĐ-SYT ngày 29/7/2025 điều chỉnh đặt hàng Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN trong lĩnh vực sự nghiệp Y tế - Dân số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, như sau:

+ Tên danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN: dịch vụ khám, chữa bệnh (khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi);

+ Số lượng, khối lượng dịch vụ công thực hiện: 5.129 người;

+ Đơn giá, giá đặt hàng: Khám bệnh 45.000 đồng/ca; Điện tim thường 39.900 đồng/ca; Xét nghiệm đường máu mao mạch 16.000 đồng/ca;

+ Kinh phí quyết toán: 385.135.300 đồng (với số lượng 3.817 người).

Trung tâm thực hiện nhiệm vụ KCB theo các quyết định đặt hàng của Sở Y tế, các quyết định đặt hàng căn cứ vào Kế hoạch thực hiện Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng tại Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND thành phố Đà Nẵng; Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng NSNN từ nguồn kinh phí chi thường xuyên và các văn bản hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước, cụ thể:

Năm 2024, Trung tâm thực hiện thanh toán, quyết toán đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 62/2020/TT-BTC ngày 22/6/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ NSNN qua Kho bạc nhà nước và Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 của Bộ Tài chính Hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc nhà nước<sup>91</sup> Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công kinh phí đặt hàng về khám sức khỏe định kỳ người cao tuổi năm 2024 là 721.697.600 đồng (theo Lệnh chuyển Có số DVC905 ngày 25/12/2024).

Năm 2025, Trung tâm thực hiện thanh toán, quyết toán đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 17/2024/TT-BTC có Biên bản nghiệm thu đặt hàng ngày 14/11/2025 thể hiện số lượng người khám, thực hiện quyết toán kinh phí theo số lượng người đến khám. Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công kinh phí đặt hàng về khám sức khỏe định kỳ người cao tuổi năm 2025 là 385.135.300 đồng (theo Lệnh chuyển Có số DVC 248 ngày 31/12/2025).

Qua thanh tra, việc quyết toán chi từ nguồn thu kinh phí đặt hàng thực hiện theo Điều 14 và Điều 15 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Nguồn kinh phí hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

Năm 2024:

+ Tổng thu (có thuế): 2.508.093.846 đồng (dịch vụ tiêm chủng vắc xin: 1.438.345.037 đồng; dịch vụ quây thuốc: 716.056.409 đồng; dịch vụ cho thuê mặt bằng, căng tin, giữ xe: 20.245.000 đồng; dịch vụ khám sức khỏe ngoại viện: 333.447.400 đồng);

+ Tổng chi phí hoạt động dịch vụ: 2.327.704.069 đồng;

+ Chênh lệch thu chi còn lại: 180.389.777 đồng.

<sup>91</sup>Hợp đồng số 01/HĐKT ngày 03/5/2024 và Phụ lục hợp đồng số 03/PLHD-SYT ngày 17/8/2024 giữa Sở Y tế thành phố Đà Nẵng và Trung tâm về đặt hàng Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN trong lĩnh vực sự nghiệp Y tế - Dân số trên địa bàn thành phố Đà Nẵng năm 2024; Biên bản nghiệm thu đặt hàng ngày 02/12/2024; Biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm ngày 02/12/2024 giữa Sở Y tế thành phố Đà Nẵng và Trung tâm về cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí NSNN năm 2024.

Năm 2025:

+ Tổng thu (có thuế): 1.812.648.282 đồng (dịch vụ tiêm chủng vắc xin: 1.278.679.554 đồng; dịch vụ quây thuốc: 198.196.728 đồng; dịch vụ cho thuê mặt bằng, căng tin, giữ xe: 96.900.000 đồng; dịch vụ khám sức khỏe ngoại viện: 238.872.000 đồng).

+ Tổng chi phí hoạt động dịch vụ: 1.615.901.775 đồng;

+ Chênh lệch thu chi còn lại: 196.746.507 đồng.

Qua thanh tra, Trung tâm thực hiện các nội dung chi từ nguồn thu hoạt động sản xuất, kinh doanh cơ bản đảm bảo theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP; chấp hành việc kê khai và quyết toán thuế theo quy định của pháp luật về thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước; trích tạo nguồn cải cách tiền lương (CCTL) theo quy định; trích lập các quỹ theo QCCTNB đảm bảo quy định tại Điều 16, Điều 18 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

d) Nguồn thu phí tuyển dụng viên chức:

Tổng thu phí tuyển dụng viên chức: 20.000.000 đồng (năm 2024: 16.000.000 đồng; năm 2025: 4.000.000 đồng).

Tổng chi là 20.000.000 đồng (năm 2024: 16.000.000 đồng; năm 2025: 4.000.000 đồng).

Trung tâm thực hiện thu, chi phí tuyển dụng viên chức đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức; nội dung chi có chứng từ thanh toán đầy đủ.

đ) Nguồn thu hoạt động tài chính (thu tiền lãi ngân hàng):

- Tổng thu: 98.779.596 đồng (gồm: năm 2024 là 68.953.414 đồng và năm 2025 là 29.826.182 đồng);

- Tổng chi: 15.159.597 đồng (gồm: năm 2024 là 11.574.099 đồng và năm 2025 là 3.585.498 đồng);

- Chênh lệch thu chi: 83.619.999 đồng.

Trung tâm đã thực hiện trích nộp thuế TNDN là 5% trên doanh thu; số còn lại sau khi trích 40% tạo nguồn CCTL, đơn vị trích lập các quỹ theo QCCTNB của đơn vị. Trung tâm theo dõi thu, chi đảm bảo theo chế độ tài chính quy định.

e) Nguồn thu khác:

- Kinh phí tài trợ của tổ chức Dariu Foundation là 84.000.000 đồng bằng hiện vật là máy vi tính xách tay, Trung tâm ghi tăng tài sản từ nguồn tài trợ của tổ chức Dariu Foundation.

- Thu khác do bệnh nhân chuyển thừa: 172.780 đồng (năm 2024) và 52.989 đồng (năm 2025).

Trung tâm đã hạch toán vào khoản thu khác đúng quy định chế độ kế toán.

## **2. Về công tác quản lý, sử dụng tài sản công (QL, SDTSC)**

a) Việc xây dựng, ban hành Quy chế QL,SDTSC: Trung tâm căn cứ các quy định hiện hành<sup>92</sup> xây dựng và ban hành Quyết định số 239/QĐ-TTYTHHV ngày 09/5/2024 về việc ban hành Quy chế QL,SDTSC năm 2024 và Quyết định số 131/QĐ-TTYTHHV ngày 19/3/2025 về việc ban hành Quy chế QL,SDTSC năm 2025.

Nội dung Quy chế QL, SDTSC cơ bản đảm bảo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật QL,SDTSC.

Tuy nhiên, Quy chế QL,SDTSC của Trung tâm thiếu nội dung về trách nhiệm bàn giao tài sản công khi thay đổi tổ chức bộ máy, thay đổi người đứng đầu; xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy chế là chưa đúng quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC.

b) Về QL,SDTSC vào mục đích liên doanh, liên kết, hoạt động sự nghiệp, dịch vụ tại Trung tâm: Ngày 25/01/2021, Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 256/QĐ-UBND về việc phê duyệt Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê của Trung tâm Y tế huyện Hòa Vang; theo đó có nội dung: (i) Diện tích mặt bằng trong khuôn viên xây dựng: quầy thuốc bệnh viện diện tích: 20 m<sup>2</sup>, Trung tâm tự thực hiện; căng tin diện tích cho thuê 276,75 m<sup>2</sup>, giá khởi điểm 54.000.000đồng/năm; nhà giữ xe diện tích cho thuê 596,54 m<sup>2</sup>, giá khởi điểm: 60.000.000đồng/năm. (ii) Diện tích mặt bằng ngoài khuôn viên: căng tin diện tích cho thuê 275 m<sup>2</sup>, giá khởi điểm: 36.000.000đồng/năm.

Trong thời kỳ thanh tra, Trung tâm đã tổ chức thực hiện như sau:

- Quầy thuốc bệnh viện: Trung tâm tự thực hiện kinh doanh, hạch toán doanh thu, chi phí và nộp thuế theo quy định.

- Nhà giữ xe: Trung tâm tổ chức đấu giá, với giá trị trúng đấu giá là: 60.500.000đồng/năm, theo hợp đồng ký giữa Trung tâm với bà Nguyễn Thị Tin, diện tích cho thuê 596,54 m<sup>2</sup> thời gian thực hiện thầu 05 năm (từ ngày 08/3/2021 đến ngày 08/3/2026); hai bên thanh lý hợp đồng ngày 09/3/2026.

- Căng tin ngoài khuôn viên: Trung tâm tổ chức đấu giá, với giá trị trúng đấu giá là: 36.400.000đồng/năm, diện tích cho thuê 275 m<sup>2</sup> thời gian thực hiện thầu 05 năm (từ ngày 08/3/2021 đến ngày 08/3/2026); hai bên thanh lý hợp đồng ngày

<sup>92</sup> Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 21/6/2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017.

09/3/2026.

Qua thanh tra nhận thấy Trung tâm sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê đảm bảo theo Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng.

### **C. KẾT LUẬN CÁC NỘI DUNG ĐÃ TIẾN HÀNH THANH TRA**

Qua các nội dung Đoàn Thanh tra đã tiến hành làm việc, thực hiện các biện pháp kiểm tra, xác minh, đối chiếu, Thanh tra thành phố kết luận như sau:

#### **I. VIỆC CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HOẠT ĐỘNG KCB**

Trung tâm đã đáp ứng cơ bản các điều kiện hoạt động của cơ sở KCB về hồ sơ pháp lý và đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng đối với bệnh viện về cơ sở vật chất, quy mô, cơ cấu tổ chức, nhân sự, thiết bị y tế và thực hiện các quy chế tổ chức và quản lý bệnh viện; quy định, quy chế chuyên môn trong hoạt động cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về KCB trong thời kỳ thanh tra (năm 2024, 2025) theo quy định tại mục I Phần B. Kết quả kiểm tra, xác minh. Tuy nhiên, qua kết quả kiểm tra vẫn còn các tồn tại, hạn chế như sau:

- Trung tâm chưa thực hiện việc liên thông danh mục xét nghiệm theo đúng thời gian quy định tại điểm c khoản 3 Mục II Điều 1 Quyết định số 316/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tăng cường chất lượng xét nghiệm y học giai đoạn 2016-2025.

- Việc mã hoá bệnh tật trong một số HSBA theo ICD10 chưa đúng theo quy định tại Quyết định số 4469/QĐ-BYT ngày 18/10/2020, Thông tư số 06/2026/TT-BYT.

- Việc xây dựng quy trình kỹ thuật KCB chưa đầy đủ theo quy định tại Mục II, Mục III Quyết định số 3023/QĐ-BYT ngày 28/7/2023.

Trách nhiệm các tồn tại, hạn chế nêu trên thuộc về Giám đốc Trung tâm và các khoa, phòng, cá nhân liên quan.

#### **II. VIỆC CHẤP HÀNH CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CÔNG**

##### **1. Ưu điểm**

Trung tâm xây dựng và ban hành QCCTNB theo hướng dẫn tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; Nghị định số 111/2025/ND-CP và Điều 11 Thông tư số 56/2022/TT-BTC. Các nội dung chi từ nguồn ngân sách nhà nước cấp cơ bản đảm bảo theo quy định, có chứng từ đầy đủ. Nội dung thu, chi từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp, dịch vụ đảm bảo quy định, thực hiện nộp các khoản thuế đầy đủ; đối với nguồn thu khác, Trung tâm đã hạch toán vào khoản thu khác đúng quy định của chế độ kế toán. Nội dung chi từ nguồn thu hoạt động sản xuất, kinh doanh đúng quy định tại Điều 16 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Nghị định số 111/2025/ND-CP; thực hiện thu phí đúng quy định theo Luật phí và lệ phí. Trung tâm xây dựng nội dung Quy chế QL,SDTSC cơ bản đảm bảo theo quy định tại

khoản 3 Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC; sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê theo Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 25/01/2021 của UBND thành phố Đà Nẵng.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

- Trung tâm chưa xây dựng tiêu chuẩn, định mức về nội dung chi thanh toán công tác phí, chi phí nhiên liệu trong QCCTNB là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 56/2022/TT-BTC; nội dung không thanh toán tiền tàu xe trường hợp người đi công tác sử dụng phương tiện cá nhân là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 40/2017/TT-BTC; nội dung về tỷ lệ phân phối Quỹ bổ sung thu nhập từ nguồn tiết kiệm chi là chưa đúng quy định tại Điều 18 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Trung tâm trong năm 2024 không đúng quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, với số tiền là 61.043.945 đồng.

- Quy chế QL,SDTSC của Trung tâm còn thiếu nội dung về trách nhiệm bàn giao tài sản công khi thay đổi tổ chức bộ máy, thay đổi người đứng đầu; xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quy chế là chưa đúng quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC.

Trách nhiệm các tồn tại, hạn chế nêu trên thuộc về Giám đốc Trung tâm và bộ phận, cá nhân liên quan.

## **D. KIẾN NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ**

- Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang nghiêm túc rút kinh nghiệm và khẩn trương khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế đã nêu tại phần C. Kết luận các nội dung đã tiến hành thanh tra.

- Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung còn chưa quy định, quy định chưa cụ thể trong QCCTNB, QCQL,SDTSC như đã nêu ở phần C. Kết luận các nội dung đã tiến hành thanh tra.

- Thu hồi và nộp ngân sách Nhà nước (nộp vào tài khoản: 3949.0.1010210.00000 của Thanh tra thành phố Đà Nẵng mở tại Kho bạc Nhà nước khu vực XIII) do Trung tâm chi chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP vượt quy định năm 2024 với số tiền: 61.043.945 đồng (Sáu mươi một triệu không trăm bốn mươi ba ngàn chín trăm bốn mươi lăm đồng).

## **Đ. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

- Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra đảm bảo theo quy định tại Điều 54 Luật Thanh tra năm 2025; thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở làm việc của đơn vị theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 37 Luật Thanh tra năm 2025.

- Giao Phòng Giám sát, kiểm tra, thẩm định và xử lý sau thanh tra thực hiện theo dõi, đôn đốc thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định của Luật Thanh tra năm 2025.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về khám, chữa bệnh và quản lý tài chính, tài sản công đối với Trung tâm Y tế khu vực Hoà Vang./.

**Nơi nhận:**

- Thanh tra Chính phủ;
- UBKT Thành uỷ Đà Nẵng;
- UBND thành phố Đà Nẵng;
- Sở Y tế thành phố Đà Nẵng;
- TTYTKV Hoà Vang;
- Lưu: VT, ĐTT 318.



**CHÀNH THANH TRA**

**Tô Văn Hùng**



Phụ lục I

**TỔNG HỢP TÌNH HÌNH KINH PHÍ NGÂN SÁCH CẤP CHO ĐƠN VỊ NĂM 2024 VÀ NĂM 2025**

(Đính kèm Kết luận thanh tra số 2710/KL-TTTP ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Thanh tra thành phố Đà Nẵng)

DVT: đồng

| STT      | Nội dung                                                                                    | Số dư năm trước chuyển sang | Dự toán giao đầu năm  | Dự toán bổ sung trong năm | Dự toán giảm trong năm | Tổng dự toán được sử dụng | Kinh phí chi để nghị quyết toán | Kinh phí còn lại cuối năm | Trong đó             |                    |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|--------------------|
|          |                                                                                             |                             |                       |                           |                        |                           |                                 |                           | Chuyển năm sau       | Hủy bỏ             |
| <b>I</b> | <b>NĂM 2024</b>                                                                             | <b>1.516.730.182</b>        | <b>39.010.100.000</b> | <b>8.108.789.510</b>      | <b>3.973.760.792</b>   | <b>44.661.858.900</b>     | <b>41.800.093.342</b>           | <b>2.861.765.558</b>      | <b>2.585.463.683</b> | <b>276.301.875</b> |
| <b>1</b> | <b>Kinh phí thường xuyên</b>                                                                | <b>785.150.890</b>          | <b>36.584.000.000</b> | <b>5.510.847.120</b>      | <b>3.024.716.000</b>   | <b>39.855.282.010</b>     | <b>37.269.818.327</b>           | <b>2.585.463.683</b>      | <b>2.585.463.683</b> | <b>-</b>           |
| <b>2</b> | <b>Kinh phí không thường xuyên</b>                                                          | <b>-</b>                    | <b>2.426.100.000</b>  | <b>2.597.942.390</b>      | <b>217.465.500</b>     | <b>4.806.576.890</b>      | <b>4.530.275.015</b>            | <b>276.301.875</b>        | <b>-</b>             | <b>276.301.875</b> |
| 2.1      | Hỗ trợ hoạt động Trạm Y tế                                                                  |                             | 550.000.000           |                           | 18.000.000             | 532.000.000               | 492.080.250                     | 39.919.750                |                      | 39.919.750         |
| 2.2      | Kinh phí trợ cấp Tết, tiền ăn bệnh nhân dịp Tết                                             |                             | 539.000.000           |                           | 22.305.000             | 516.695.000               | 516.695.000                     | -                         |                      | -                  |
| 2.3      | Kinh phí hoạt động phòng, chống HIV/AIDS                                                    |                             | 59.400.000            |                           |                        | 59.400.000                | 59.400.000                      | -                         |                      | -                  |
| 2.4      | KP khám sức khỏe định kỳ cho trẻ em chùa Quang Châu                                         |                             | 15.300.000            |                           |                        | 15.300.000                | 900.000                         | 14.400.000                |                      | 14.400.000         |
| 2.5      | KP chương trình mục tiêu y tế (4)                                                           |                             | 213.800.000           |                           | 36.160.500             | 177.639.500               | 104.885.660                     | 72.753.840                |                      | 72.753.840         |
| 2.6      | Kinh phí điều chỉnh mức sinh với các vùng đối tượng                                         |                             | 18.600.000            |                           |                        | 18.600.000                | 10.056.320                      | 8.543.680                 |                      | 8.543.680          |
| 2.7      | Hỗ trợ nhân viên y tế thôn bản                                                              |                             | 771.000.000           | 115.788.000               |                        | 886.788.000               | 886.788.000                     | -                         |                      | -                  |
| 2.8      | KP hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho bệnh nhân hộ nghèo theo Nghị quyết số 45/2022/NQ-HĐND  |                             | 38.000.000            |                           |                        | 38.000.000                | 3.629.294                       | 34.370.706                |                      | 34.370.706         |
| 2.9      | Hỗ trợ thiện nhân tạo theo Nghị quyết số 67/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thành phố |                             | 221.000.000           |                           | 141.000.000            | 80.000.000                | 39.763.631                      | 40.236.369                |                      | 40.236.369         |
| 2.10     | Lập hồ sơ theo dõi quản lý sức khỏe người cao tuổi                                          |                             |                       | 6.795.000                 |                        | 6.795.000                 | 5.662.500                       | 1.132.500                 |                      | 1.132.500          |
| 2.11     | Truyền thông giáo dục thay đổi hành vi về chăm sóc sức khỏe NCT                             |                             |                       | 93.800.000                |                        | 93.800.000                | 38.559.200                      | 55.240.800                |                      | 55.240.800         |
| 2.12     | Chính sách thu hút Bác sĩ theo NQ 95/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022                           |                             |                       | 1.008.000.000             |                        | 1.008.000.000             | 1.008.000.000                   | -                         |                      | -                  |

ka

| STT  | Nội dung                                                                                   | Số dư năm trước chuyển sang | Dự toán giao đầu năm | Dự toán bổ sung trong năm | Dự toán giảm trong năm | Tổng dự toán được sử dụng | Kinh phí chi đề nghị quyết toán | Kinh phí còn lại cuối năm | Trong đó       |            |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------|------------|
|      |                                                                                            |                             |                      |                           |                        |                           |                                 |                           | Chuyển năm sau | Hủy bỏ     |
| 2.13 | Thuốc phòng, chống lụt bão năm 2024                                                        |                             |                      | 48.559.390                |                        | 48.559.390                | 38.855.160                      | 9.704.230                 |                | 9.704.230  |
| 2.14 | Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ           |                             |                      | 1.325.000.000             |                        | 1.325.000.000             | 1.325.000.000                   | -                         |                | -          |
| 3    | KP chi tiền lương và các khoản có tính chất lương                                          | 731.579.292                 |                      |                           | 731.579.292            | -                         | -                               | -                         |                | -          |
| II   | NĂM 2025                                                                                   | 2.585.463.683               | 52.937.260.000       | 7.065.517.000             | 14.148.795.294         | 48.439.445.389            | 45.718.871.343                  | 2.720.574.046             | 2.635.129.073  | 85.444.973 |
| 1    | Kinh phí thường xuyên                                                                      | 2.585.463.683               | 46.814.000.000       | 6.476.000.000             | 12.384.900.966         | 43.490.562.717            | 40.855.433.644                  | 2.635.129.073             | 2.635.129.073  | -          |
| 2    | Kinh phí không thường xuyên                                                                | -                           | 6.123.260.000        | 505.517.000               | 1.763.894.328          | 4.864.882.672             | 4.779.437.699                   | 85.444.973                | -              | 85.444.973 |
| 2.1  | Hỗ trợ hoạt động Trạm Y tế                                                                 |                             | 990.000.000          | 135.000.000               | 798.464.913            | 326.535.087               | 324.906.766                     | 1.628.321                 |                | 1.628.321  |
| 2.2  | Kinh phí trợ cấp Tết, tiền ăn bệnh nhân dịp Tết                                            |                             | 539.000.000          | 5.203.000                 | -                      | 544.203.000               | 544.203.000                     | -                         |                | -          |
| 2.3  | Hỗ trợ nhân viên y tế thôn bản                                                             |                             | 1.003.000.000        |                           | 214.812.000            | 788.188.000               | 783.432.000                     | 4.756.000                 |                | 4.756.000  |
| 2.4  | Kinh phí hoạt động phòng, chống HIV/AIDS                                                   |                             | 53.100.000           |                           | 10.630.000             | 42.470.000                | 42.270.000                      | 200.000                   |                | 200.000    |
| 2.5  | Kinh phí điều chỉnh mức sinh với các vùng đối tượng                                        |                             | 17.100.000           |                           | -                      | 17.100.000                | 17.076.800                      | 23.200                    |                | 23.200     |
| 2.6  | KP CTMT y tế (Quản dân y kết hợp)                                                          |                             | 60.000.000           |                           | -                      | 60.000.000                | 59.899.100                      | 100.900                   |                | 100.900    |
| 2.7  | Kinh phí chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi                                                  |                             |                      | 93.300.000                | 54.300.000             | 39.000.000                | 29.220.000                      | 9.780.000                 |                | 9.780.000  |
| 2.8  | Chương trình công tác Dân số 2025 (bổ sung)                                                |                             |                      | 84.814.000                | 24.797.000             | 60.017.000                | 54.020.000                      | 5.997.000                 |                | 5.997.000  |
| 2.9  | KP hỗ trợ chi phí khám chữa bệnh cho bệnh nhân hộ nghèo theo Nghị quyết số 45/2022/NQ-HĐND |                             | 41.000.000           |                           | 31.000.000             | 10.000.000                | 3.227.831                       | 6.772.169                 |                | 6.772.169  |
| 2.10 | Hỗ trợ thận nhân tạo theo Nghị quyết số 67/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND thành phố |                             | 182.000.000          |                           | 92.000.000             | 90.000.000                | 79.550.717                      | 10.449.283                |                | 10.449.283 |
| 2.11 | Chính sách thu hút Bác sĩ theo NQ 95/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022                          |                             |                      | 187.200.000               | -                      | 187.200.000               | 187.200.000                     | -                         |                | -          |

| STT  | Nội dung                                                                                                                                              | Số dư năm trước chuyển sang | Dự toán giao đầu năm | Dự toán bổ sung trong năm | Dự toán giảm trong năm | Tổng dự toán được sử dụng | Kinh phí chi để nghị quyết toán | Kinh phí còn lại cuối năm | Trong đó       |            |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------|------------|
|      |                                                                                                                                                       |                             |                      |                           |                        |                           |                                 |                           | Chuyển năm sau | Hủy bỏ     |
| 2.12 | KP CTMT Y tế Dân số                                                                                                                                   |                             | 77.060.000           |                           | 48.571.530             | 28.488.470                | 22.477.970                      | 6.010.500                 |                | 6.010.500  |
| 2.13 | Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ                                                                   |                             | 3.161.000.000        |                           | 489.318.885            | 2.671.681.115             | 2.631.953.515                   | 39.727.600                |                | 39.727.600 |
| 3    | Dự án Hỗ trợ máy tính xách tay bằng hiện vật để phục vụ hoạt động y tế dự phòng tại Trung tâm Y tế Huyện Hòa Vang do tổ chức Dariu Foundation tài trợ |                             |                      | 84.000.000                |                        | 84.000.000                | 84.000.000                      |                           |                |            |

KS



Phụ lục II

**TỔNG HỢP NGUỒN THU - CHI HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP, DỊCH VỤ VÀ THU KHÁC NĂM 2024 VÀ NĂM 2025**

(Đính kèm Kết luận thanh tra số 2710/KL-TTTP ngày 28 tháng 8 năm 2026 của Thanh tra thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: đồng

| STT | Nội dung                                                  | Doanh thu (có thuế) | Thuế GTGT | Doanh thu (chưa thuế) | Chi phí hoạt động dịch vụ được trừ | Thặng dư    | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuế suất khác nhau theo hoạt động) | Thuế môn bài | Chi phí không được trừ trước thuế | Thặng dư còn lại cuối năm | CCTL (35/40%) | Quỹ PTHDSN (20%) | Quỹ Dự phòng | Thu nhập tăng thêm (50%) | Quỹ KT-PL (30%) KT 5%, PL 25% |
|-----|-----------------------------------------------------------|---------------------|-----------|-----------------------|------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------|---------------------------|---------------|------------------|--------------|--------------------------|-------------------------------|
| I   | NĂM 2024                                                  | 2.577.220.040       | 8.172.814 | 3.396.744.826         | 3.018.683.045                      | 288.061.781 | 20.092.692                                                              | 1.000.000    | 32.483.527                        | 234.485.562               | 93.794.325    | 28.138.267       | -            | 70.345.669               | 42.207.401                    |
| 1   | Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công                   |                     |           | 721.697.600           | 721.697.600                        |             |                                                                         |              |                                   | -                         |               |                  |              |                          |                               |
|     | Kinh phí đặt hàng về khám sức khỏe định kỳ người cao tuổi |                     |           | 721.697.600           | 721.697.600                        |             |                                                                         |              |                                   |                           |               |                  |              |                          |                               |
| 2   | Thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh                     | 2.508.093.846       | 8.172.814 | 2.499.921.032         | 2.269.411.346                      | 230.509.686 | 16.636.382                                                              | 1.000.000    | 32.483.527                        | 188.389.777               | 72.155.911    | 21.646.773       | -            | 54.116.933               | 32.470.160                    |
| 2.1 | Dịch vụ tiêm chủng vắc xin                                | 1.438.345.037       | -         | 1.438.345.037         | 1.348.614.037                      | 89.731.000  | 1.794.620                                                               | -            | 32.483.527                        | 55.452.853                | 22.181.141    | 6.654.342        | 0            | 16.635.856               | 9.981.514                     |
| 2.2 | Dịch vụ quỹ thuốc                                         | 716.056.409         | 7.160.564 | 708.895.845           | 673.239.106                        | 35.656.739  | 7.160.564                                                               | 1.000.000    | 0                                 | 27.496.175                | 10.998.470    | 3.299.541        | 0            | 8.248.852                | 4.949.311                     |
| 2.3 | Dịch vụ cho thuê mặt bằng                                 | 20.245.000          | 1.012.250 | 19.232.750            | -                                  | 19.232.750  | 1.012.250                                                               | -            | 0                                 | 18.220.500                | 7.288.200     | 2.186.460        | 0            | 5.466.150                | 3.279.690                     |
| 2.4 | Dịch vụ khám sức khỏe ngoại viện                          | 333.447.400         | -         | 333.447.400           | 247.558.203                        | 85.889.197  | 6.668.948                                                               | -            | 0                                 | 79.220.249                | 31.688.100    | 9.506.430        | 0            | 23.766.075               | 14.259.643                    |
| 3   | Thu hoạt động tài chính                                   | 68.953.414          | -         | 68.953.414            | 11.574.899                         | 57.379.315  | 3.447.671                                                               | -            | -                                 | 53.931.644                | 21.572.658    | 6.471.797        | 0            | 16.179.493               | 9.707.696                     |
| 4   | Thu khác (Bệnh nhân chuyển khoản thừa thiếu)              | 172.780             | -         | 172.780               | -                                  | 172.780     | 8.639                                                                   | -            | -                                 | 164.141                   | 65.656        | 19.697           | 0            | 49.242                   | 29.545                        |
| 5   | Thu phí (phí tuyển dụng viên chức)                        |                     |           | 16.000.000            | 16.000.000                         |             |                                                                         |              |                                   |                           |               |                  |              |                          |                               |
| II  | NĂM 2025                                                  | 1.842.527.453       | 6.826.967 | 2.224.835.786         | 1.961.354.425                      | 263.481.362 | 14.740.796                                                              | 1.000.000    | 26.191.694                        | 221.548.871               | 89.141.199    | 26.481.534       | -            | 66.203.836               | 39.722.302                    |
| 1   | Thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công                   |                     |           | 385.135.300           | 385.135.300                        |             |                                                                         |              |                                   |                           |               |                  |              |                          |                               |
|     | Kinh phí đặt hàng về khám sức khỏe định kỳ người cao tuổi |                     |           | 385.135.300           | 385.135.300                        |             |                                                                         |              |                                   |                           |               |                  |              |                          |                               |
| 2   | Nguồn thu hoạt động sự nghiệp dịch vụ                     | 1.812.648.282       | 6.826.967 | 1.805.821.315         | 1.568.633.627                      | 237.187.689 | 13.249.487                                                              | 1.000.000    | 26.191.694                        | 196.746.507               | 79.220.253    | 23.505.251       | -            | 58.763.127               | 35.257.876                    |
| 2.1 | Dịch vụ tiêm chủng vắc xin                                | 1.278.679.554       | -         | 1.278.679.554         | 1.196.425.554                      | 82.254.000  | 1.645.080                                                               | -            | 26.191.694                        | 54.417.226                | 21.766.890    | 6.530.067        | 0            | 16.325.168               | 9.795.101                     |

12

| STT | Nội dung                                     | Doanh thu (có thuế) | Thuế GTGT | Doanh thu (chưa thuế) | Chi phí hoạt động dịch vụ được trừ | Thặng dư   | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuế suất khác nhau theo hoạt động) | Thuế môn bài | Chi phí không được trừ trước thuế | Thặng dư còn lại cuối năm | CCTL (35/40%) | Quỹ PTĐSDN (20%) | Quỹ Dự phòng | Thu nhập tăng thêm (50%) | Quỹ KT-PL (30%) KT 5%, PL 25% |
|-----|----------------------------------------------|---------------------|-----------|-----------------------|------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------------------------|---------------------------|---------------|------------------|--------------|--------------------------|-------------------------------|
| 2.2 | Dịch vụ quản lý thuốc                        | 198.196.728         | 1.981.967 | 196.214.761           | 194.536.920                        | 1.677.841  | 1.981.967                                                               | 1.000.000    |                                   | -1.304.126                |               | -260.825         | 0            | -652.063                 | -391.238                      |
| 2.3 | Dịch vụ cho thuê mặt bằng                    | 96.900.000          | 4.845.000 | 92.055.000            | -                                  | 92.055.000 | 4.845.000                                                               | -            | 0                                 | 87.210.000                | 34.884.000    | 10.465.200       | 0            | 26.163.000               | 15.697.800                    |
| 2.4 | Dịch vụ khám sức khỏe ngoại viện             | 238.872.000         | -         | 238.872.000           | 177.671.153                        | 61.200.848 | 4.777.440                                                               |              |                                   | 56.423.408                | 22.569.363    | 6.770.809        | 0            | 16.927.022               | 10.156.213                    |
| 3   | Thu hoạt động tài chính                      | 29.826.182          | -         | 29.826.182            | 3.585.498                          | 26.240.684 | 1.491.309                                                               | -            | -                                 | 24.749.375                | 9.899.750     | 2.969.925        | -            | 7.424.812                | 4.454.887                     |
| 4   | Thu khác (Bệnh nhân chuyển khoản thừa thiếu) | 52.989              | -         | 52.989                | -                                  | 52.989     | -                                                                       | -            |                                   | 52.989                    | 21.196        | 6.359            | 0            | 15.897                   | 9.538                         |
| 5   | Thu phí (phí tuyển dụng viên chức)           |                     |           | 4.000.000             | 4.000.000                          |            |                                                                         |              |                                   |                           |               |                  |              |                          |                               |

Tr